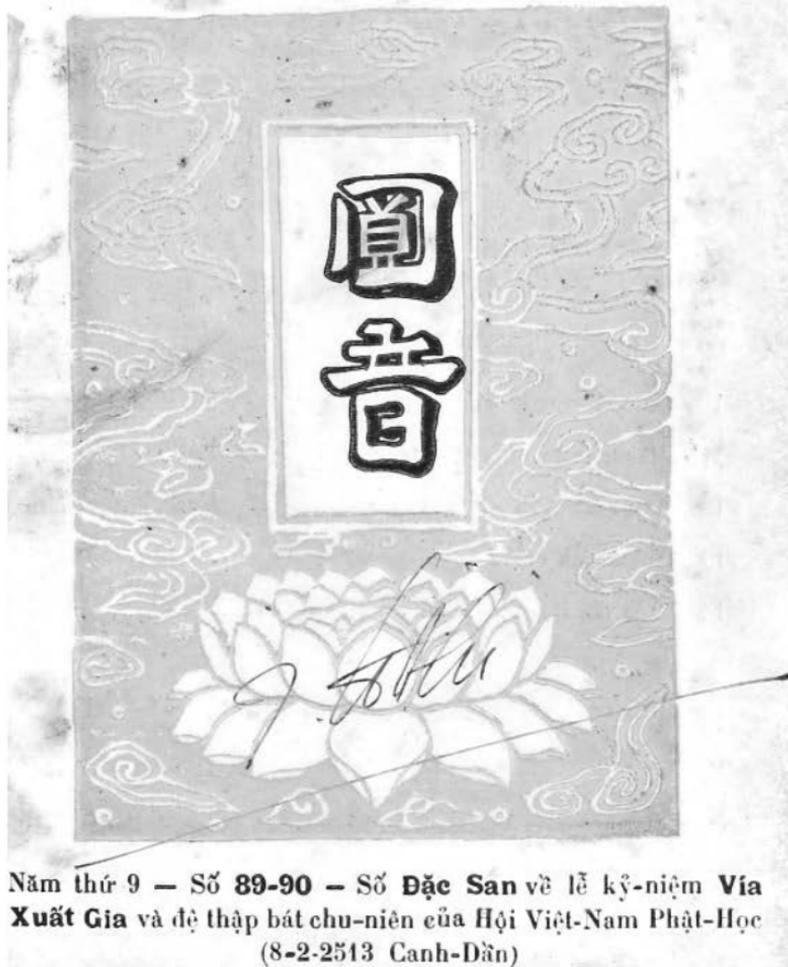


VIÊN-ÂM

NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN HOÀNG-PHÁP của HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC



Năm thứ 9 — Số 89-90 — Số Đặc San về lễ kỷ-niệm Vía
Xuất Gia và đệ thập bát chu-niên của Hội Việt-Nam Phật-Học
(8-2-2513 Canh-Dần)

MỤC LỤC

- | | | |
|----|--|--------------------------|
| 1 | Lời nói đầu | <i>Viên Âm</i> |
| 2 | Tâm Từ Bi (<i>Kinh học</i>) | <i>Thích Thiện-Siêu</i> |
| 3 | A Đà Na Thức (<i>luận học</i>) | <i>Thích Thuyền Minh</i> |
| 4 | Hệ trọng Giới luật (<i>luật học</i>) | <i>Thích Trí Thủ</i> |
| 5 | Sức mạnh của Nghiệp (<i>Bài giảng</i>) | <i>Thích Trí Quang</i> |
| 6 | Hội Phật Học | <i>Thích Kim Sơn</i> |
| 7 | Những mẫu chuyện đạo | <i>Thích Minh Châu</i> |
| 8 | Lương Vô Đẽ (<i>truyện ký</i>) | <i>Thích Thuyền Minh</i> |
| 9 | Chữ Nghiệp trong Đạo Phật | <i>Thích Minh Châu</i> |
| 10 | Cảm niệm ngày xuất gia (8-2) | <i>Thích Trí Không</i> |
| 11 | Vô tận (<i>cảm niệm ngày Niết Bàn 15-2</i>) | <i>Thích Thiên Ân</i> |
| 12 | Một quan niệm về Tôn giáo | <i>Kao-Tâm-Nguyên</i> |
| 13 | Thanh tịnh (<i>thơ</i>) | <i>Tống-Anh-Nghị</i> |
| 14 | Diễn văn Kỷ-niệm lễ đệ thập bát chu niên của Hội Việt-Nam Phật-Học | |
| 15 | Tin tức | |

Hội Đồng Tổng-Trị-Sự Hội Việt-Nam Phật-Học đã duyệt-y. Hội-Đồng kiểm duyệt giáo lý Trung-Việt đã kiểm duyệt giáo-lý.

Lời nói đầu

Có những người bên này nói Phật học lợi cho bên kia, có những người bên kia nói Phật học lợi cho bên này. Như thế là, sự thật, Phật học thoát khỏi mọi sự lợi dụng.

Cho đến ngày nay, người ta đã nhận thấy Phật học là một lực lượng. Lực lượng ấy không ở vũ khí, chính trị, hay kinh tế, mà là lực lượng Lễ Phải.

Tinh thần lực lượng Lễ phải ấy là Bi, Trí và Dũng. Điển tịch cho rõ ràng là : tôn trọng sự sống, sáng suốt hành động, và dũng cảm tự tồn.

Ở đâu và thời nào mà cá nhân hay đoàn thể, còn nhận thấy sự sống đáng quý trọng, nhận thấy sáng suốt là cần thiết, nhận thấy tự tồn là độc nhất, thì ở đó Phật học thành lực lượng thiết dụng.

Ngược lại, người ta quan niệm Phật học có lợi cho sự tàn hại, sự mạnh động và sự nô lệ, thì dù Phật học có còn, Phật học ấy không phải là Phật học nữa.

Mười tám năm nay, đeo đuổi tinh thần từ bi, trí tuệ

và hùng dũng của Phật học, HỘI VIỆT NAM PHẬT HỌC khi tiềm tàng khi bộc phát, nhưng đã phát triển đúng tinh thần ấy.

Hôm nay nhân ngày kỷ niệm XUẤT GIA, ngày mà đức Bôn Sư chúng ta từ biệt cuộc đời vương giả để sống cuộc đời gai góc nhưng huy hoàng của chư Phật, HỘI PHẬT HỌC chúng ta làm lễ chu niên năm thứ XVIII. Sự kỷ niệm này không kỷ niệm một vẽ vang, mà là đánh dấu một giai đoạn cũ và bước sang giai đoạn mới trên đường gai góc và huy hoàng.

Nhân ngày kỷ niệm này, chúng ta tâm nguyện hãy sáng suốt hơn nữa, hãy hùng lực hơn nữa, để san phẳng cảnh đời đau khổ, đem lại hòa bình cho nhân gian

NAM MÔ BÔN SU THÍCH CA MÂU NI PHẬT

VIÊN ÁM

TÂM TỬ' BI

Lược dịch phẩm Bi Tâm trong Kinh Ưu Bà Tác Giới.

THÍCH THIÊN-SIÊU

Thiện sanh thưa: «Bạch thế-Tôn, làm sao có thể tu được Bi tâm?

— Thiện-nam-tử, người có trí vi thấy rõ hết thấy chúng sanh bị chìm đắm trong bể lớn sanh tử khổ não mà muốn tế độ nên phát sanh Bi tâm; hoặc vi thấy chúng sanh chưa đủ mười lực, bốn món vô úy, ba niệm đại bi, mà muốn tìm cách làm cho chúng sanh đầy đủ nên phát sanh Bi tâm; hoặc vi thấy chúng sanh mê lầm không ai dìu dắt mà phát sanh Bi tâm; hoặc vi thấy chúng sanh bị truy lạc trong năm món dục không thể ra khỏi mà vẫn cứ thả liều nên phát sanh Bi tâm; hoặc vi thấy chúng sanh bị của cải vợ con ràng buộc chẳng được thoát ly mà phát sanh Bi tâm; hoặc vi thấy chúng sanh tự ý sắc đẹp sức lực, sanh lòng kiêu mạn mà phát sanh Bi tâm; hoặc vi thấy chúng sanh bị tà sư phỉnh gạt rất đáng thương xót mà phát sanh Bi tâm; hoặc vi thấy chúng sanh trong ba cõi chịu mọi điều khổ

nào mà vẫn còn say đắm nên phát sanh Bi-tâm; hoặc vì thấy chúng sanh tạo ra ba nghiệp thân, khẩu, ý độc ác, phải chịu quả khổ, mà vẫn cứ đắm say nên phát sanh Bi tâm; hoặc vì thấy chúng sanh khát khao ngũ dục như người khát uống nước mặn mà phát sanh Bi tâm; hoặc vì thấy chúng sanh tuy ưa vui mà chẳng tạo nhân vui, tuy ghét khổ mà cứ gây nhân khổ, như không giữ giới mà muốn được sanh về cõi trời mà phát sanh Bi tâm; hoặc vì thấy chúng sanh thiết không ngã và ngã sở, mà lầm tưởng có ngã và ngã sở nên phát sanh Bi tâm; hoặc vì thấy chúng sanh bản tánh không như định, phải bị lưu chuyển luân hồi nên phát sanh Bi tâm; hoặc vì thấy chúng sanh sợ khổ sanh, già, chết mà cứ tạo nghiệp nhưn sanh, già, chết mà phát sanh Bi tâm; hoặc vì thấy chúng sanh thân tâm chịu sự thống khổ, mà vẫn tạo nghiệp nên phát sanh Bi tâm; hoặc vì thấy chúng sanh bị khổ ân ái xa lìa mà không chịu diệt ân ái nên phát sanh Bi-tâm; hoặc vì thấy chúng sanh ở trong Vô-minh đến tối không biết thấp đèn trí huệ mà phát sanh Bi-tâm; hoặc vì thấy chúng sanh bị lửa phiền não thiêu đốt, không thể tìm nước thuyền định để dập tắt nên phát sanh Bi-tâm; hoặc vì thấy chúng sanh biết ngũ-dục là khổ mà vẫn cầu mãi không thôi như người đói ăn nhằm cơm độc, nên phát sanh Bi-tâm; hoặc vì thấy chúng sanh ở trong đời ác gặp vua bạo ngược chịu nhiều điều thống khổ mà vẫn cứ buông lung nên phát sanh Bi

tâm; hoặc vì thấy chúng sanh bị lưu chuyển chịu
8 món khổ mà không biết đoạn trừ khổ nhân ấy
nên phát sanh Bi tâm; hoặc vì thấy chúng sanh đói
khát, lạnh, nóng không được tự tại mà phát
sanh Bi tâm; hoặc vì thấy chúng sanh lụy phạm
cấm giới, sẽ bị đọa lạc địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh
mà phát sanh Bi tâm; hoặc vì thấy chúng sanh về các
phương diện sắc lực thọ mạng, an ổn biện tài không
được tự tại mà phát sanh Bi tâm; hoặc vì thấy
chúng sanh bị đui, điếc, tật nguyên mà phát sanh
Bi tâm; hoặc vì thấy chúng sanh ở biên địa (xứ
dã man) không tu các pháp lành mà phát sanh Bi
tâm; hoặc vì thấy chúng sanh gặp đời đói thiếu
thân thể gầy yếu lại cướp bóc lẫn nhau nên phát
sanh Bi tâm; hoặc vì thấy chúng sanh ở trong kiếp đao
bình lại càng tàn hại lẫn nhau, tăng thêm lòng ác,
sẽ chịu vô lượng quả khổ nên phát sanh Bi-tâm;
hoặc vì thấy chúng sanh gặp đời có Phật nghe pháp
chơn chánh ích lợi không biết thọ trì nên phát sanh
Bi-tâm; hoặc vì thấy chúng sanh tin theo tà sư ác hữu,
không chịu noi theo giáo huấn của thiện tri- hức nên
phát sanh Bi-tâm; hoặc vì thấy chúng sanh có của
cải nhiều không chịu bố thí mà phát sanh Bi-tâm;
hoặc vì thấy chúng sanh cay ruộng, buôn bán, làm
ăn cực khổ mà phát sanh Bi-tâm; hoặc vì thấy
chúng sanh cha mẹ, anh em, vợ chồng, tôi tớ,
quyền thuộc, họ hàng không thương mến nhau mà
phát sanh Bi tâm; hoặc vì thấy cái vui nơi các
cõi trời, dẫu cõi trời phi phi tưởng cũng chẳng

hơn gì cái khổ ở địa ngục, biến hoại vô thường mà tất cả chúng sanh đều chung chịu nên phát sanh Bi - tâm.

Thiện nam tử, khi chưa đắc đạo mà quán như vậy thì gọi là Bi; nếu đắc đạo rồi thì gọi là Đại-Bi. Vì sao? vì khi chưa đắc đạo tuy quán như vậy, nhưng quán có hạn lượng, chúng sanh cũng có hạn lượng, khi đắc đạo rồi thì quán và chúng sanh đều không hạn lượng; vậy nên gọi là Đại-Bi. Khi chưa đắc đạo, Bi tâm còn lay chuyển nên gọi là Bi, khi đắc đạo rồi không bị lay chuyển nên gọi là Đại Bi. Khi chưa đắc đạo, chưa có thể cứu vớt tất cả chúng sanh, nên gọi là Bi, khi đắc đạo rồi, có thể cứu vớt tất cả chúng sanh, nên gọi là Đại-bi. Khi chưa đắc đạo, không có trí Bát-nhã đồng thời phát hiện nên gọi là Đại - Bi.

Thiện nam tử, người có trí tu tập Bi tâm tuy chưa có thể đoạn trừ khổ não cho chúng sanh, nhưng đã lợi ích vô lượng. Sáu món Ba-la-mật đều lấy Bi tâm mà làm sanh khởi.

Vậy nên, nếu tu bi tâm thời hãy thí những sự khó thí, hãy nhẫn những điều khó nhẫn, hãy làm được những việc khó làm. Do vậy hết thấy pháp lành đều lấy Bi tâm làm gốc. Những ai tu được Bi tâm thì có thể phá hoại nghiệp dữ như núi Tu Di, không bao lâu sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, dầu làm chút nghiệp lành mà được quả báo như núi Tu Di.

Cảnh đời đau khổ không phải tự nhiên, không phải do ai chủ định, chính do lòng ác độc chúng sanh gây nên và chỉ có lòng Từ Bi mới phá tan được. Hành vi man trá tàn bạo cũng chính do ác tâm gây ra và chỉ có lòng Từ Bi mới trừ diệt được.

Vậy nên trên con đường tu học, trong sự xây dựng hạnh phúc cho mình và cho người, cần phải có tâm Từ Bi hướng dẫn chỉ đạo. Một lòng Từ Bi trong sạch, bình đẳng, rộng rãi, sáng suốt, thiết thực và dũng cảm.

— Lòng Từ Bi trong sạch nghĩa là không vẫn đục một chút mưu lợi ẩn ý, tiềm tàng một dục vọng man trá gì.

— Lòng Từ Bi bình đẳng rộng rãi, không phân chia thân sơ quý tiện nghèo giàu, không hạn cuộc trong gia đình xứ sở phương trời.

— Lòng Từ Bi sáng suốt, hướng mọi đau khổ đến chân trời giải thoát, ứng dụng pháp thí khai sáng cho chúng sanh mê muội.

— Lòng Từ Bi thiết thực dũng cảm, làm những việc khó làm, nhẫn những sự khó nhẫn, thí những điều khó thí, luôn luôn thương nghĩ đến chúng sanh, trừ khổ đem vui cho chúng sanh.

Đức Phật là gương sáng của hạnh Từ Bi. Người Phật tử phải là người thiết hạnh hạnh Từ Bi.

A - ĐÀ - NA - THỨC

(tiếp theo số 88)

THÍCH KIM-SON

- MỤC LỤC :
- 1°) Thế nào gọi là A ĐÀ NA THỨC?
 - 2°) Đặc tánh của A ĐÀ NA THỨC.
 - 3°) Lý do chứng minh A ĐÀ NA THỨC.
 - 4°) Khả năng của A ĐÀ NA THỨC.
 - 5°) Phương pháp chuyển y A ĐÀ NA THỨC.
 - 6°) Tánh cách quan hệ của A ĐÀ NA THỨC.

III. — PHƯƠNG PHÁP CHUYỂN Y A ĐÀ NA THỨC.

Chuyển y. — I/ Tất cả hiện-hành là biểu tượng của A ĐÀ NA, tất cả khả năng là năng tánh của A ĐÀ NA, như vậy hiện hành tạp nhiễm (I) là vì khả năng tạp nhiễm, hiện hành thanh tịnh là vì khả-năng thanh tịnh; mà khả năng thế nào là vì A ĐÀ NA thế ấy, ví như ánh sáng thế nào là tùy ngọn đèn và gương che như thế. Cũng do ví dụ này, ta thấy cần phải chuyển y A ĐÀ NA, và **chuyển y** nghĩa là, chỉ là chuyển đổi cái dụng mặt sai của A ĐÀ NA, như muốn ánh sáng sáng ngời

1) Tạp nhiễm là danh từ để chỉ cho tất cả tâm lý xấu xa, nhận thức sai lầm, hoàn cảnh đen tối, đời sống đau khổ. Trái lại, danh từ thanh tịnh là để chỉ cho tất cả những thứ trái lại.

thì chùi lau gương che cho sáng mà thôi, không phải tắt ngọn đèn đi. Sự tu chứng là thế: chỉ đời (và phải đời) chứ không bỏ (bỏ cũng không được).

2/ **Kết quả của Chuyển y.** — Khi A-ĐÀ-NA đã chuyển y, thì chuyển đời các khả năng phiền-não-chướng (2) sở-tri-chướng (3), chuyển được các diệu-quả đại-Niết-bàn (4) đại Bồ-đề (5).

Như một cái tay tài hoa, đã đổi những tài xấu, tức hành những tài hay. Cũng như thế, A-ĐÀ-NA chuyển y 2 trọng chướng rồi thì tức thành hai diệu quả. Khi còn hai trọng chướng thì kết quả của trọng chướng là: trong, thân tâm tạp nhiễm, ngoài, cảnh giới tạp nhiễm; ngược lại, khi chuyển được 2 diệu quả rồi thì trong, thân tâm thanh tịnh, ngoài, cảnh giới thanh tịnh.

3/ **Phương Pháp Chuyển y.** — Nhưng muốn bỏ 2 trọng chướng, được 2 diệu-quả thì phải cần « trí tuệ »: chỉ trí tuệ mới chuyển y được A ĐÀ NA. Sự tu chứng thì chung chỉ là TRÍ-TUỆ.

2) *Phiền não chướng*: Phiền não: tâm lý xấu. Những tâm lý này chướng ngại cho đạo giải-thoát, nên gọi là phiền-não-chướng.

3) *Sở tri chướng*: Sở tri: sự ngu mê không hiểu, hoặc hiểu lầm, đối với vạn hữu. Ngu si ấy chướng ngại cho đại-bồ-đề nên gọi là sở-tri chướng.

4) *Đại-Niết-bàn*: Giải thoát viên mãn: hết hẳn tất cả nhân tạp nhiễm là tâm lý xấu, hành động vọng; và quả tạp nhiễm là đời sống đau khổ. Giải thoát này tuyệt đối nên gọi là đại Niết bàn.

5) *Đại-bồ-đề*: Trí-giác sáng-suốt: trí tuệ viên minh, trí dụng viên chiếu: biết rõ tâm lý chúng sinh, biết rõ phương pháp đối trị, làm đủ mọi điều lợi ích. Trí-giác ấy tuyệt đối nên gọi là đại Bồ-đề.

GIỚI LUẬT

THÍCH TRÍ-THÙ

I. — ĐỊNH NGHĨA GIỚI LUẬT

Giới : Nguyên âm tiếng Phạm là Thi-la (Sila). Tàu dịch là giới, có nghĩa là phòng bị, răn cấm, câu thúc. Đức Phật chế giới luật để người học đạo phòng ngừa tội lỗi, răn cấm hành động trái pháp, kìm hãm dục vọng, và câu thúc đời sống tư hữu của mình, hầu mong tiến dần đến quả vị giác ngộ.

Giới có nghĩa là phòng phi chỉ ác. Giới điều là những phương tiện giúp Phật tử sống thanh tịnh cao cả, bằng cách ngăn ngừa đoạn trừ những tâm niệm xấu xa, những hành động bậy ngược. Giới cũng gọi là biệt biệt giải thoát. Vì không phạm một điều ác, tất phá tan một hình ngục ; làm được một điều thiện, tất có ảnh hưởng tốt đẹp cho phong hóa. Giới cũng vậy, nếu giữ trọn một giới nào, tức là giải-thoát được quả-báo đọa-dày bởi nghiệp-lực của giới ấy mà chúng ta đã phạm, đồng thời cũng hưởng được quả báo phước nghiệp của giới ấy, do chúng ta đã thọ trì. Thí dụ : người không ăn trộm, tức không có kết quả tù-dày lao-ngục, đồng thời được người đời khen ngợi tán thán v. v . . Ấy gọi là giới.

Luật : Tiếng Phạm là Ưu-bà la xoa (Upalaksa) Tàu dịch là luật : kỹ luật, pháp luật, luật lệ, nghĩa là những khuôn khổ, pháp tắc, điều-luật thống nhất của Phật-giáo Phật tử không có quyền phủ nhận, phải triệt để tuân hành. Nên nhớ pháp luật này, không ai có quyền thêm bớt, dù các hàng đại Bồ tát cũng vậy; duy chỉ đức Phật

mới có quyền sáng chế thiết lập mà thôi. Cho nên người nào đã phạm những kỷ luật ấy, nhất là chính mình đã một phen bạch kiết ma thọ lãnh, tức là phạm luật ; và người xử tội, cũng phải triệt đề y cứ trên khuôn mẫu pháp luật, do đức Phật đã thân hành chế ra, mà xử đoán trọng khinh. Thí dụ : người nào đã phạm vào những luật lệ chung của nước nhà, tức là phạm tội, và người mang trách-nhiệm xử đoán tội nhân, cần phải căn cứ trên quốc pháp đề chuẩn định nặng nhẹ. Ấy gọi là luật.

Trong đạo Phật, nhất về luật tạng, chúng ta thấy rất phiền toái và phức tạp, bởi có vô số danh-tướng và thể thức riêng biệt nhau, như danh, chủng, tánh, tướng, khai, già, trì, phạm v. v..

Cũng bởi vì sự sai khác ấy, cho nên đồng làm một việc, có người thì phạm, mà có kẻ thì gọi là trì.

Cắt nghĩa một cách tóm tắt cho dễ hiểu : Giới luật tức là những quy-củ, khuôn khổ, phép tắc do đức Phật thuận theo lý-tánh chân-thật mà kiến lập, đề chế ngự và đối-trị nghiệp duyên của chúng sanh. Cho nên Phật tử cần phải triệt đề tuân hành, nếu lơ-đễnh hay trái phạm, tức là phá hủy lời dạy vô-thượng của đức Phật, và không hưởng thuận về pháp tánh chân-như, nghĩa là tự đìm mình xuống đáy sâu tội lỗi.

II. — PHƯƠNG PHÁP THẬT HÀNH GIỚI LUẬT

Với phần định nghĩa trên, chúng ta đã khái quát tinh thần thuần túy giới luật, nhưng cách áp dụng giới luật trên đời sống thật-tại bằng phương tiện nào, thì chúng ta chưa thấy, cho nên đoạn này cần phải chỉ thị. Chúng sanh rất có nhiều chủng loại, trình độ khả năng cũng như niên lạp rất sai khác nhau, nên đức Phật kiến lập và truyền thọ giới luật cũng có nhiều tầng bậc. Tuy nhiên, lượng có sai khác, nhưng phẩm vẫn đồng nhất. Vì đồng nhất nên không ngoài 4 câu kệ sau đây :

a) *Chư ác mạc tác* : tránh xa tất cả những hành động tà-ác bạo ngược.

Giới luật cũng như hàng rào ngăn ngừa những điều phi pháp và đoạn trừ những cử chỉ bất lương. Cho nên một người nào không hành động hại mình hại người, ở hiện tại và tương lai, chính là người tuân hành giới luật. Đây là đứng về phương diện chỉ trị, giới tự lợi của hàng Tiều-thừa Thanh-văn.

b) *Chúng thiện phụng hành* : triệt để thật hành tất cả điều thiện. Muốn hoàn thành tinh-thần giới luật, không những chỉ chuyên trọng đoạn ác mà cần phải làm điều thiện. Tránh ác đã là một việc đáng quý nhưng làm thiện lại càng hy hữu hơn. Vì đây là cử chỉ xả kỷ vị tha, là những bước hướng mạnh đến chân lý. Thọ trì giới luật tức là phụng sự điều thiện, một người chú trọng và tôn thờ điều thiện, tức là vâng giữ giới luật. Đây là đứng trên quan điểm tác trì của hàng Đại-thừa Bồ tát.

c) *Tự tịnh kỳ ý* : Chỉ trị và tác trì thiên trọng về nơi thân-nghiệp, câu này mới thật căn cứ trên tác-tư của ý-nghiệp. Nếu thật hành đúng hai phương tiện trên, mà ý nghiệp chưa thanh tịnh nghĩa là còn cấu đục bởi vô minh ích-kỷ, tất nhiên không phải thuần-thiện. Trạng thái này có thể quan sát trên hành động của kẻ đi cầu thì sẽ thấy rõ. Cho nên đánh giá một hành vi nào, muốn khỏi sai lầm, cần phải xét đoán trên tâm niệm, nhất là kết quả của hành vi ấy, và người nào ý-niệm thuần lương, tức là thanh tịnh giới thể.

d) *Thị chư Phật Giáo* : nghĩa là không làm điều ác phụng sự điều thiện, và ý niệm thuần-khiết, đây là lời dạy bất di-dịch của 10 phương 3 đời các đức Phật. Đây là một câu kết thúc, khuyến chúng sanh phải triệt để thật hành theo tinh thần và ý nghĩa của 3 phương tiện trên. Nói một cách khác tức là đức Phật sách tấn chúng ta phải tôn trọng và tuân hành giới luật.

III. — SỰ QUAN HỆ CỦA GIỚI LUẬT

Giới luật học là môn học trong 3 tạng giáo điển của đức Phật, cho nên giới luật là một vấn đề quan hệ, Phật tử không thể nào bỏ qua.

Kinh có câu : « *Giới tức là hạnh của Phật* ». Cho nên nếu người nào không giữ giới mà mong giải thoát, thời cũng đồng như người tìm sự thật trong mộng tưởng.

Sự tu hành cũng như cuộc khởi hành của kẻ lữ khách, muốn đến đích, cần phải cù bị lương thực, và tinh tấn tiến hành. Thiếu cần mẫn và tư lương tức không thể phát hành và đến đích. Và tư lương của kẻ tu hành là giới, định, huệ.

— *Giới* : như trên đã cắt nghĩa, giới là phòng phi chỉ ác, nghĩa là năng lực ngăn ngừa điều trái và đoạn phục các hành động bất thiện. Một người muốn thờ không khí trong sạch giải thoát, cần phải thận trọng và tu trì giới pháp. Giới là cơ sở duy nhất của định và huệ ; thiếu giới, định huệ không thành ; cũng như không có đất, dinh thự và lâu đài phải sụp đổ. Định huệ của phàm phu ngoại đạo, sơ-dĩ chênh lệch và sai khác với định huệ của Phật giáo cũng do điểm này.

— *Định* : trừng tịnh tâm duyên, sản phẩm trung thành của giới. Do giới chỉ trì nên thân, khẩu nghiệp không làm điều phi pháp, đồng thời ý nghiệp được thanh tịnh, không còn tầm tữ xao xuyên. Khi nhập thuyền định, tự nhiên hành động của thân, khẩu, ý xứng hợp với luật nghi, gọi là định cộng giới. Chúng ta nên nhớ, chỉ có định lực mới đủ khả năng kèm hãm vọng tâm, và làm cho chân tâm hiển hiện, nhưng lực sở dĩ thành tựu là do giới làm căn bản.

— *Huệ* : năng lực minh mẫn chiếu liễu của trí. Huệ là phản ảnh của định. Có định, Huệ mới phát sanh ; vì nước có đứng trong, mặt trăng mới soi hiện ; nhờ ánh sáng trí huệ soi đường, sự tu hành khỏi lạc vào ma đạo, cũng như muốn đi trúng đích, kẻ bộ hành phải có nhãn quan tinh diệu. Nên nhớ có trì giới, tu định, huệ mới phát sanh. Tam thừa Thánh nhân do tu vô lậu thuyền-định mà phát sanh vô lậu trí huệ, tương ứng với vô lậu luật nghi ; giới thì phòng phi chỉ ác cùng với trí huệ cộng sanh thì gọi là đạo cộng giới.

Giới định huệ là cơ quan nguyên yếu của đạo Niết-Bàn an tịnh

IV. — HIỆU LỰC VÀ ÍCH LỢI CỦA GIỚI LUẬT

Chúng ta đã nhận thấy phương pháp thật hành và sự quan hệ của giới luật, nhưng chưa thấy sự hiệu lực và ích lợi của giới luật.

Như chiếc xe hỏa nếu bánh xe không ăn khớp với lề đường thì không thể chạy được và xe sẽ trật đờ. Hiệu lực của giới luật đối với sự tu hành cũng như vậy. Nếu vượt ngoài quy củ giới luật tất nhiên không thể tăng-tấn trên đường giải thoát, nếu không phải là tăng thượng duyên của sự dọ lạc. Trì giới đã khó khăn, tất nhiên kết quả cũng vĩ-dại, nhưng không ngoài 3 quan điểm sau đây :

a. — Đối với quá khứ : Một nhà bác-học chuyên-cần nghiên-cứu thí-nghiệm, lẽ dĩ-nhiên sáng tạo được nhiều dụng cụ tinh xảo, nên sự ngờ vực ngu-dốt lúc thiếu thời dễ dàng tiêu tan. Người tu trì giới luật nhờ năng lực trì giới, có thể chuyển nghiệp bất thiện ở quá khứ, và ảnh hưởng trực tiếp đến sự hưởng thọ đầy đủ hiện tại.

b. — Đối với hiện tại : Quả-báo hiện tại là phản ảnh trung thành của nghiệp nhân quá khứ ; Một khi chuyển được nghiệp quá khứ, quả báo hiện tại phải thanh-tĩnh an lành. Lại hiện tại đã tu trì giới luật, nghĩa là làm tất cả điều thiện, diệt trừ diệu ác, thời lòng được sáng khoái vui tươi, và những nỗi niềm hồi hộp lo sợ không còn nữa. Giải thoát triển phục, diệt tận dục vọng mê mờ là phương châm cao đẹp của người trì giới. Không phạm hình luật lương tâm không ăn năn hối hận đây chính là hiệu quả của người thọ trì giới luật.

c. — Đối với vị lai : Nhà nghệ-sĩ chuyên môn điều luyện nghệ thuật, người học trò siêng năng trau dồi học và hạnh, tương lai sẽ phải rực rỡ, kết quả sẽ phải tốt đẹp. Người trì giới thanh-tĩnh, nghĩa là chuyên trọng huấn tập vô lậu chủng tử, dĩ-nhiên kết quả vị lai phải trong sáng ngát hương. Đây là định luật nhân quả, một sự thật tuyệt đối, không ai có quyền phủ nhận.

Một bằng chứng rõ ràng nữa, là nhờ có nền giới luật thiết thực và rộng rãi, Phật-giáo không bị hoen-ố bởi sự chi phối của thời gian và không-gian, bao giờ cũng giữ màu sắc thuần túy của đạo Phật. Vì sống đúng trong quy cũ giới luật, cứ thời đại nào, phương sở nào, dưới một hình thức nào, Phật tử cũng có thể nhịp nhàng, dung hòa và chung sống với nhau như hòa hợp một bản đàn kỳ diệu. Bởi hiệu quả và ích lợi như trên, cho nên Phật tử cần phải lãnh thọ và tu trì giới luật.

V. — CÁCH TRUYỀN THỌ GIỚI LUẬT.

Vì Giới luật có quan hệ mật thiết với sự tu hành giải thoát nên đức Phật 12 năm sau khi thành đạo, ngài kiến lập và chế ra giới luật. Cho nên Phật tử, nghĩa là người tiếp tục thi hành sứ mệnh vị tha, nhất là hạng xuất gia, cần phải truyền thọ giới luật. Nhưng truyền thọ bằng cách nào ?

— Muốn truyền giới cho người khác, tất nhiên mình phải thanh tịnh đầy đủ giới đức, và ít nhất người truyền giới cần phải hơn người được truyền một bậc, kể cả giới pháp và đức hạnh. Thí dụ bậc Tỷ-kheo mới có quyền trao 5 giới 10 giới cho một hay nhiều người khác. Nếu không, thời tất nhiên sự truyền giới không hợp pháp, và giới thể không thành tựu. Cũng vì diễm này nên hàng tại gia cư sĩ, không được truyền thọ giới pháp cho ai.

Còn người thọ giới, trước tiên phải tinh-thành sám hối, tẩy-trừ nghiệp-chướng. Khi thân tâm đã rỗng không, sạch các túc-chướng phiền não, mới được thọ giới. Đây cũng như muốn nhuộm áo, cần phải giặt áo trước khi nhuộm. Cần nhất phải hợp xứ, hợp thời, và đầy đủ mọi điều-kiện, giới-thể mới được thành tựu. Phải trao thọ giới pháp trước ngôi Tam-Bảo, vì thọ giới chính là vâng theo lời dạy của ngôi Tam-Bảo và cũng đề cầu sự mặc-khải hộ trì của Tam-Bảo.

Chúng ta lại cần phải hiểu rằng : thọ giới là một cử-chỉ tùy nguyện, do thân tâm chân thành phát ra, chứ không phải một sự miễn cưỡng ép

buộc; cũng như người muốn qua sông, cần phải vịn vào dây nổi, đây là một lẽ tự-nhiên, chứ không ai có quyền áp-chế bắt buộc. Vậy nên sau khi thọ giới, chúng ta cần phải triệt-đề tuân hành, dù có phùng hại đến tánh mạng cũng vậy. Và lại giới luật chính đức Phật y-cứ nơi tự tâm thanh-tịnh của chúng sanh mà kiến lập. Thọ giới chính là vâng theo những đức tánh thuần lương mỹ diệu của tự tâm, như thế có gì là ép buộc miễn cưỡng? Cũng như muốn bảo-tồn cơ-thể, tất nhiên đói phải ăn, khát phải uống; Sự thọ trì giới luật cũng như thế mà thôi.

Bởi thế cho nên, muốn khỏi thối đọa duy trì tự tâm, kiến lập một cơ-đồ giải-thoát giác-ngộ, Phật-tử chúng ta cần phải triệt-đề tuân hành giới luật Vô thượng thay đức Phật, người đã sáng lập giới luật; cao quý thay Người đã sư-tầm, kiết tập và truyền bá giới luật. Đáng thán-phục và đáng tôn-trọng thay người đã phát nguyện vâng giữ giới luật.

(Kỳ sau sẽ lần lượt trình bày về luật học)

Bá Cáo

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM không dịch tiếp nữa, vì sẽ in thành sách trọn bộ 2 tập. Tập I từ quyển 1 đến quyển sáu giá là 35\$,00. Tập II từ quyển 7 đến quyển 10 chưa đặt giá. Ngân phiếu gửi cho thầy Thích Thiện Siêu chùa Từ Đàm Nam Giao Huế.

SỨC MẠNH CỦA NGHIỆP

THÍCH TRÍ-QUANG

Đức Phật dạy: NGANG VỚI SỨC MẠNH CỦA TÂM TRÍ VẬT CHẤT, SỨC MẠNH CỦA NGHIỆP LỰC CŨNG LÀ MỘT SỨC MẠNH BẤT TƯ NGHÌ. Như vậy thế nào gọi là NGHIỆP? Sức mạnh của NGHIỆP LỰC đối với đời sống như thế nào? Đó là những điều mà chúng ta không thể không biết một cách rõ ràng.

Tiếng Phạm là « Karma », Trung-hoa dịch ý là NGHIỆP. NGHIỆP ấy là chỉ cho những hành động có ý thức của chúng ta.

Thực ra những động tác của sự vật không tâm thức, hay những hành động không cố ý của loài hữu-tình cũng đều có thể gọi là NGHIỆP. Nhưng những sự động tác và những hành động không cố ý ấy, chỉ là những sự chuyển động tự nhiên, cho nên không phải đích xác là NGHIỆP. NGHIỆP phải là những hành động cố ý, vì chỉ những hành động ấy mới có kết quả ý nghĩa.

Cũng do theo sự cắt nghĩa trên đây mà chúng ta thấy rằng không cứ là sự hành động của thân thể, mà sự

hành động của miệng lưỡi (lời nói) và sự hành động của ý nghĩ (tư tưởng) cũng đều gọi là NGHIỆP, nếu những hành động ấy phát hiện bởi sự cố ý.

Một điều chúng ta phải cải chính mau lẹ là có nhiều người lầm tưởng rằng NGHIỆP là nghiệp dĩ, và hễ nghe nói đến NGHIỆP là họ chỉ liên tưởng ngay đến hành vi quá khứ. Do đó, một ý tưởng rất thông thường được nảy nở ra, là cho đời sống hiện tại hoàn toàn là kết quả của hành vi quá khứ, không thể thay đổi, không thể cải tạo. — Nhân lực hiện tại của con người không thể chi phối đời sống hiện tại của con người, sự ngộ nhận của họ thường kết luận sai lầm như thế.

Đó là một quan niệm mà đạo Phật bảo là TỨC TÁC NGOẠI ĐẠO, một học thuyết chủ trương tất cả đều là kết quả của hành vi quá khứ, không thể chuyển cải. Đạo Phật cực lực bài xích chủ trương ấy, và xem tai hại của chủ trương ấy cũng ngang như tai hại của chủ trương THUỶNG ĐẾ TẠO VẬT.

Như một bức họa thành được là bởi hai nét: những nét phác họa sơ qua, và những nét điểm tô kỹ lại. Cũng như thế, đời sống của chúng ta thành được là bởi hai thứ hành động: Hình thái đơn giản của đời sống ấy có ra là bởi sức mạnh của hành động quá khứ, còn tất cả hình thức sự sống cụ thể là do sức mạnh của hành động hiện tại gây ra. Ấy vậy, đời sống của chúng ta từ hình thái đơn giản cho đến hình thức cụ thể, hết thảy đều do năng lực hành động (nhân lực) của chúng ta phát sinh và

chuyển biến, cải tạo. Năng-lực hành động ấy tức gọi là SỨC MẠNH CỦA NGHIỆP, hay gọi tắt là NGHIỆP LỰC. Cho nên đức Phật dạy : HẾT THẤY CHÚNG SINH ĐỀU DO NGHIỆP MÌNH LÀM SỞ HỮU, LÀM NHÂN DUYÊN, LÀM THÂN THUỘC, LÀM QUI TÚC ; ĐỜI SỐNG CỦA TẤT CẢ CHÚNG SINH ĐỀU DO SỨC MẠNH CỦA NGHIỆP MÀ CÓ RA, VÀ CÓ SAI BIỆT.

Một điều chúng ta cần phải chú ý nữa là, nói NGHIỆP, nói năng-lực-hành-động tạo thành và tác động đời sống là, ví như trong một gian nhà, vật nào đều có giới tuyến của vật ấy, nhưng sự trình bày là tùy sự sắp đặt của người chủ ; lại như một giòng nước chảy xiết, nhưng trắng hay đen là tùy màu sắc của chúng ta pha vào. Vũ-trụ cũng vậy, cảnh vật cùng tâm thức, thứ nào do nhân của thứ ấy trực tiếp tạo thành, nhưng hết thấy sự khổ vui, sự tốt xấu, đều tùy sức mạnh của hành-động, của NGHIỆP định đoạt.

Sức mạnh của NGHIỆP vĩ đại là thế. Trên thực tế, hành động của từng cá-nhân ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống từng cá-nhân, điều đó chứng-minh sức mạnh của NGHIỆP đã đành, mà sự hoạt động của tất cả quần chúng thay đổi biến cải tất cả xã hội, điều đó không những là một chứng cứ vĩ đại để chứng minh sức mạnh của NGHIỆP, mà nó còn chứng minh rằng sự cải tạo xã hội chỉ do năng-lực hoạt động tất cả quần chúng (1). Như vậy chỉ có người không tin ở sức mạnh hành động của

(1) Thuật ngữ gọi là « cộng nghiệp », nghĩa là xã-hội là kết quả của hành động chung của quần chúng, cho nên cũng do hành động của quần chúng chịu trách nhiệm và chuyển biến cải tạo.

minh, không thừa nhận sức mạnh hành động của quần chúng, mới phủ nhận sức mạnh của NGHĨỆP. Trái lại, những người tin và thấy rằng đời ta ta sáng tạo, và nhất là những người tin tưởng và hoạt động quần chúng, là phải xác nhận sức mạnh vĩ đại của NGHĨỆP LỰC.

Nhưng hành động là tâm-trí phát hiện. Như vậy một lý lẽ hiển nhiên mà chúng ta phải thấy là, muốn cải tạo đời sống tất phải cải tạo hành động, muốn cải tạo hành động tất phải cải tạo tâm trí. Tâm-trí có sáng suốt thì hành động mới hợp lý, và kết quả là đời sống mới hạnh phúc; trái lại, tâm trí mà mê muội độc ác, thì hành động dù mạnh mẽ, hành động ấy cũng như cây gươm trong tay kẻ hung bạo, kết quả của hành động ấy, tất nhiều đời sống phải mang chịu bao nhiêu tai hại và đau khổ.

Do tất cả những lý lẽ đã trình bày trên, Phật tử chúng ta luôn luôn tin ở sức mạnh của hành động, và luôn luôn nhận thấy sức mạnh chi phối của tâm trí đối với hành động. Cho nên thường thường tưởng niệm ba đức tánh sau đây của Chư Phật để áp dụng vào đời sống của mình mà cải tạo tâm-trí và hành-động :

— Đức tánh *đại hùng lực* dùng để tiêu diệt những sự rụt rè nhút nhát, dón hèn, mà thúc đẩy mình quả cảm hành động.

— Đức tánh *đại từ bi* để tiêu diệt những sự tàn ác, gian hùng, phản bội lợi ích chung, mà bắt buộc mình luôn luôn hành động với mục đích tôn trọng sự sống và quyền sống của mọi người.

— Đức tánh đại trí tuệ để tiêu diệt những sự ngộ nhận, mê muội, chủ trương sai lầm, mà rèn luyện cho tâm trí hằng hằng sáng suốt, hành động hợp lý.

Nói vắn tắt, người Phật tử là người phải hành động và phải thận trọng trong hành động. Người phải hành động ngần nào thì phải thận trọng trong sự hành động ngần ấy.

Đức Phật dạy : ĐAU KHỔ HAY AN VUI, ĐOẠ LẠC HAY GIẢI THOÁT LÀ Ở NƠI THÂN NGƯỜI CHỨ KHÔNG PHẢI CẦU Ở NGOÀI. Cho nên Phật-tử đã nhận thấy sức mạnh của hành động thì cũng phải nhận thấy, đối với đời sống, chỉ có hành động hợp lý mới có giá trị: giá trị trong sự chuyển bỏ đau khổ, sáng tạo an lạc.

Giảng bài này, chúng tôi cũng biết rằng, với sự trình bày như thế, những người sơ cơ khó bề hiểu rõ. Nhưng Đạo Phật chúng ta là Đạo như-thật, thì tất nhiên Giáo lý phải khó, cho nên chúng ta phải cố gắng mới hiểu nổi, và có hiểu như-thật mới làm như-thật được.

Giới Thiệu Sách.

Chúng tôi mới nhận được quyền Kinh THẬP THIỆN do thầy Thích-Trí Thụ dịch và do Phật - Học Đường Báo Quốc xuất bản giá 5\$00

Vậy có lời kính cần xin giới-thiệu cùng toàn thể độc giả.

VIÊN-ÁM

HỘI PHẬT HỌC

THÍCH KIM-SON

I. — Lược sử Hội Phật-Học.

Hội Phật Học thành lập năm 1932, đến nay được 18 năm. Người sáng lập ra Hội là Đại Sư GIAC-TIỀN và cư sĩ TÂM-MINH hợp tác với các vị Đại đức trong SƠN MÓN và các vị cư sĩ nhiệt thành vì Chánh Pháp. Ngoài các vị này, người có ân đức nhất, đã đem chánh kiến chánh tín lại cho Hội, là Đại đức PHƯỚC-HUỆ ở chùa THẬP THÁP. Sau Ngài, trong công việc hệ trọng ấy, ta phải kể đến các vị Giảng sư của Hội, và nhất là Pháp sư MẬT KHẾ, Đại sư TRÍ ĐỘ, người đã dắt dìu Phật Học Đường của Hội, và đào tạo cho Hội một lớp Tăng Già khả quan.

Nguyên nhân phát động phong trào Phật Học, là vì ảnh hưởng cuộc tàn vận động của Phật Giáo Trung Hoa, vì muốn chấn hưng Phật Giáo Việt Nam, và vì muốn cùng tín đồ Phật Giáo thế giới xây dựng đức dục cùng hạnh phúc của nhân loại trên nền tảng ĐẠT MA.

Trong phương diện lịch sử, Phật Học không phải là kết quả mà là phản ảnh của thời đại. Không phải là con đẻ của xã hội đen tối mà là tinh tú của một đêm mù.

Bước đầu của Hội rất sơ sài nhưng rất hoạt động; chỉ có mười mấy vị sáng lập, nhưng luôn luôn hội họp

diễn giảng, cô đọng, nghiên cứu, dưới sự chỉ đạo của Ngài PHƯỚC HUỆ và các vị đại đức Tăng già. Kết quả là sau đó ít lâu, năm 1934, cơ quan truyền bá ĐẠT MA duy nhất Tạp chí Viên Âm (tiếng nói viên mãn) ra đời, do toàn lực của cư sĩ TÂM MINH về chủ nhiệm, chủ bút và quản lý. Sau Viên Âm một năm, năm 1935, Phật Học Đường thiết lập với ba Phật học viện Cao đẳng, Trung đẳng, và Sơ đẳng, do sự sáng lập, giáo huấn của Ngài PHƯỚC HUỆ, Pháp sư MẬT KHẾ, Đại sư TRÍ ĐỘ và cư sĩ TÂM MINH. Mặc dầu trong lúc này về mặt tổ chức Hội chưa có gì khả quan cả.

Nhờ sự cố gắng một cách thành thật như thế, và hoạt động theo một tôn chỉ sáng ngời, nên chi gặp không biết bao nhiêu trở lực ở trong và ở ngoài, mà Hội phát triển mạnh mẽ với uy tín xứng đáng của nó. Cho nên ở Thừa Thiên cũng như khắp 13 tỉnh Trung Việt, dân chúng tự động nhập Hội, tự động cô đọng tổ chức Hội ở khắp các địa phương. Kết quả là sau một thời gian 4 năm, năm 1936 Tổng Hội Đồng đã chính thức tập hợp, và Tổng Trị Sự chính thức thành lập, liên lạc và chỉ đạo sự thật hành cùng truyền bá CHÁNH PHÁP cho khắp các Tỉnh Hội. Sự hoạt động của Hội ăn sâu vào tất cả các tầng lớp dân chúng.

Đã có cơ sở vững vàng rồi, từ đó về sau, Hội mạnh mẽ làm việc; luôn luôn đặc biệt hướng về bề sâu tuy không bỏ bề rộng. Trong 18 năm trường dù cùng dân chúng sống với bao nhiêu sự đổi thay, mà vẫn giữ được tánh bất sinh diệt trong cuộc đời sinh diệt với thái độ tùy duyên bất biến.

Cái lịch sử HỘI PHẬT HỌC là cái lịch sử sáng tạo hội mình, độc lập tự tồn tinh thần của mình. Không dựa vào cá nhân nào, thế lực nào, không do sự giúp đỡ của ai, và ngã chiều về bên nào. Cho nên 18 năm lịch

sử, **HỘI PHẬT HỌC** đã được một điều đáng khen đáng kính là tự lập giữ vững tôn chỉ của mình.

II. — Tôn chỉ Hội Phật Học

« **PHẬT HỌC** » là học thuyết của Phật Đà. Học thuyết ấy về tinh thần thì chủ trương như thật (chỉ nghĩ và nói những điều đúng **SỰ THẬT** mà vạn hữu đã có), về thái độ thì trung đạo (quan niệm tất cả tổ chức của xã hội đều có một giá trị tương đối, tuy không có giá trị tuyệt đối); về chủ trương thì lấy người làm trung tâm điểm của cuộc đời, tất cả tổ chức xã hội đều do người phát sinh và đều phát sinh vì người, cho nên đặc biệt chú trọng đến việc giáo dục cho con người về ba phương diện bi (đức dục), trí (trí thức) và dũng (năng lực).

HỘI PHẬT HỌC là hội học (gồm cả nghĩa thật hành) cái học thuyết của Phật Đà, thì tinh thần, thái độ và chủ trương cũng y như thế. Nói chung, ba điều ấy là tôn chỉ của Hội vậy.

Tôn chỉ ấy gọi yấn tắt là **HỌC HÀNH PHẬT HỌC**, hoặc gọi như danh từ cũ là « **hoằng dương Chánh Pháp** ».

Do tôn chỉ đó, **HỘI PHẬT HỌC** chỉ **HỌC PHẬT**. **HỘI PHẬT HỌC** không làm chính trị, chúng ta đừng đòi hỏi nơi nó một chủ trương chính quyền; **HỘI PHẬT HỌC** không chuyên chính nghĩa là nắm lấy cơ quan sinh sản, chúng ta đừng đòi hỏi cơm áo nơi nó. **HỘI PHẬT HỌC** — như **PHẬT HỌC** — chỉ chịu trách nhiệm về phương diện giáo dục. Vì trách nhiệm ấy, **HỘI** có bốn phận phải giác tha về học Phật

Hội dùng mọi phương tiện thiện xảo để áp dụng « tinh thần Phật học » vào đời sống cá nhân, vào tổ chức gia đình, vào hoàn cảnh xã hội, cao vọng xã hội thành xã hội Phật hóa, gia đình thành gia đình Phật hóa, cá nhân thành

người bi, trí, dũng, hầu tạo thành một xã hội mới mà trình độ tinh thần ngang với trình độ vật chất.

HỘI PHẬT HỌC muốn đem luật tương quan (duyên sinh) giáo hóa cho người khiến mọi người nhìn nhận chỉ có một sự sống là sự tương quan sinh tồn. Phụ vào luật ấy, Hội đem giáo lý *Vô Ngã* để giác ngộ kẻ ích kỷ cá nhân lẫn đảng phái, đem giáo lý *bình đẳng* để cảnh sách những kẻ phân chia giai cấp, đem luật *nhân quả* để cảnh cáo những kẻ xâm phạm sự sống, quyền sống của kẻ khác, đem *từ bi* để tiêu trừ tàn hại, đem *trí tuệ* để bài trừ mê tín manh động, đem *hùng lực* để nung luyện cho người đức tánh vô úy. HỘI PHẬT HỌC, học tinh thần của Phật đà, muốn cùng những người ham chuộng tự do, hoà bình chân chính tạo cho nhân gian một đời sống thanh tịnh trang nghiêm.

Có lẽ tôn chỉ HOÀNG DƯƠNG CHÁNH PHÁP như thế mà 2 điều này sẽ động chạm nhiều nhất với HỘI PHẬT HỌC, là mê tín thoái hóa và hành động phân biệt sự sống tương quan của xã hội.

HỘI PHẬT HỌC sở dĩ có một lịch sử thanh tịnh, tinh thần vững vàng, không nghiêng ngã, không ỷ lại vào đâu, chính là nhờ cái tôn chỉ rạng ngời như hào quang của đức Phật ấy. Và lực lượng chính của HỘI PHẬT HỌC là ở chỗ mỗi hội viên đều cố gắng thật hành đúng đắn tôn chỉ của HỘI chứ không ở đâu cả.

III. — Tồ chức Hội Phật Học.

Căn cứ Tôn chỉ và lực lượng ấy, HỘI PHẬT HỌC áp dụng một lối tổ chức rộng rãi theo tinh thần phổ biến quảng đại của Phật Học.

Tinh thần của Phật Học là cái chân tinh thần đồng hóa tất cả mọi cá tính mọi tâm hồn nhuộm theo đức tánh

từ bi trí giác. Phật Học không phân biệt đây là loài cao đẳng động vật, kia là loài hạ đẳng động vật không phân biệt đây là người độc ác ngu muội, kia là người hiền lành trí thức, không phân biệt đây là giai cấp giàu sang quyền quý, kia là giai cấp nghèo nàn khổ sở, không phân biệt đây là già nua tuổi tác, kia là trẻ dại thơ ngây, không phân biệt dân tộc, không phân biệt dòng giống, không phân biệt đây là kẻ quy thuận lẽ từ bi, kia là kẻ phản bội lý giác ngộ. Đạo Phật là đạo của muôn phương muôn thuở và của mọi người mọi loài. Đức Phật không phải chỉ là Đạo sư riêng biệt của Ấn Độ, của loài người, mà là Bồn Sư vô thượng của tất cả nước, của tất cả loài. Nếu có kẻ riêng biệt chằng nữa, thì hạng người đau khổ, giống loài thấp hèn nhất, lại gần gũi nhất lòng từ bi bao la, ánh hào quang sáng tỏa của đức Phật. Hoa sen mọc từ bùn lầy, chứ không sinh trên vàng bạc. Đạo Phật không phải của tầng trên mà là của lớp dưới.

HỘI PHẬT HỌC cũng thế. Hội áp dụng tinh thần quảng đại ấy vào sự tổ chức của HỘI. Cho nên trong Hội chúng ta thấy có tất cả tầng lớp, giai cấp, đủ hết thầy tuôi tác và cá tính. Tất cả quân sự, hành chánh, tư pháp, buôn bán, công nông, chuyên môn, nói tóm, là tất cả nghề nghiệp tự do hay phụ thuộc đều có mặt trong HỘI PHẬT HỌC. HỘI PHẬT HỌC không hề phân biệt, không hề nghi ngờ, khi một người đến nói « Nam mô A Di Đà Phật! Đạo hữu cho tôi vào HỘI để tu học ». Cho nên dầu người đó có thê nào, HỘI PHẬT HỌC càng muốn gần gũi họ, đem họ vào với ánh sáng của Phật đà, cao vọng làm cho nhiễm dần hoa hương Từ bi của Chư Phật. Và nếu cao vọng ấy không thành, thì những người kia họ sẽ tự khai trừ họ ra khỏi HỘI PHẬT HỌC, còn nếu họ có giữ mãi chân hội viên thì chỉ là một người lạc đoàn trong hội mà thôi. Hội Phật Học chưa khi nào chuyển biến vì sự xoay sở vô tình hay ác ý của những người ấy, từ

hình thức, việc làm, cho đến tôn chỉ, mục đích. Chân tinh thần của tổ chức Hội Phật Học là cái tinh thần như điện khí tác động tất cả mà không gì biến thể được điện khí.

Lại cái tinh thần của Phật Học là hướng ra muôn loài, hướng xuống tầng lớp đau khổ, cho nên HỘI PHẬT HỌC đặc biệt chú trọng đến sự tổ chức các đơn vị của HỘI là KHUÔN TÍNH ĐỘ ở khắp hang cùng ngõ hẻm. Trong các Niệm Phật Đường, cứ những ngày Rằm Mồng Một, cái người thành kính đứng trước Đức Từ Phụ nhân ái là những người quần áo rách, mặt mày nhăn nhó, Đức Phật dạy: Lửa chỉ có trong cây khô, cũng vậy trí giác chỉ ở nơi người nghèo khổ. HỘI PHẬT HỌC đã áp dụng, đã thật hiện được một ít lời giác ngộ ấy.

Nhưng chưa hết, HỘI PHẬT HỌC còn đặc biệt áp dụng tinh thần quảng đại của đức Phật vào đàn thanh niên, thiếu niên nhi đồng ở cả nam cũng như nữ. Đạo Phật là Đạo của tất cả, thì HỘI PHẬT HỌC phải là Hội của hết thảy tuổi trẻ. Cho nên gia đình Phật Hóa là gia đình của anh chị em ấy. Nhưng Hội vì chân tinh thần của Phật Học, nên không những chú trọng mà rất thận trọng trong tổ chức này. Tuy phương pháp Phật Học cải hóa tâm tánh người một cách rất hiệu quả, tuy tâm hồn chất phác trong sáng và hoạt động của tuổi trẻ rất gần với ánh sáng từ bi, trí tuệ, hùng lực vô úy của Phật Học, nhưng cái cầu liên lạc giữ chung tinh thần ấy đến đời sống tuổi trẻ là cả một phương pháp giáo dục phức tạp. HỘI PHẬT HỌC đã cố gắng áp dụng lối giáo dục HUẤN TẬP đề thi hành sứ mệnh ấy. Hội chú trọng tuổi trẻ vì tuổi trẻ là căn bản của tất cả tổ chức cuộc đời, Hội thận trọng tuổi trẻ vì tuổi trẻ không thể cho đi nhằm vết cũ. Cao xa hướng về chân trời Từ bi và Trí tuệ, HỘI PHẬT HỌC cố gắng dìu dắt tuổi trẻ tin tưởng theo sau mình.

Nói vắn tắt, tổ chức HỘI PHẬT HỌC là một tổ chức rộng rãi mà duy nhất. Trong Hội đủ tất cả hạng người và hết thảy hạng tuổi. Như tất cả Phật tử đều lấy họ THÍCH, Hội viên HỘI PHẬT HỌC đều đồng hóa trong BI TRÍ, họ sống nhịp nhàng trong tinh thần bình đẳng, chung nhau tu học Chánh Pháp và tự lợi lợi tha. Tượng trưng đầy đủ cho tinh thần ấy, là cái hỏi nhau bằng « bác », cái kêu nhau bằng « đạo hữu », cái chào nhau bằng chấp tay và thêm câu « Nam Mô A Di Đà Phật ».

IV. — Thành Tích Hội Phật Học.

Trong tổ chức HỘI PHẬT HỌC, già trẻ, cao thấp, khổ sướng, nghèo giàu, tất cả đều hòa nhịp với nhau như nước với sữa, tấu lên khúc ca hộ Pháp, nêu cao lá cờ truyền Đạo, để giữ vững thành trì chánh lý của đức Như Lai, cho nên họ thành tựu được những thành tích mà tạo nên bởi chính những mảnh lòng Đạo Tâm của họ. Như con tấm nhũ tơ dệt nên kén vàng rực, ngàn vạn hội viên HỘI PHẬT HỌC đã trút đổ và còn sẽ trút đổ tất cả năng lực của mình gây cho ĐẠO những thành tích rực rỡ, chứ không nhờ vả vào ai, lợi dụng tổ chức nào, y ý quyền lợi gì.

Thành tích hội PHẬT HỌC, trước hết, kể về phần hình thức, thì không đầy 20 năm, mà khắp toàn cõi Trung Việt, đâu cũng có tỉnh hội, tỉnh hội nào cũng có các chi hội, chi hội nào cũng có Khuôn Tịnh Độ. Khuôn Tịnh Độ hầu hết đều có Niệm Phật Đường, cũng như các chi hội và các Tỉnh hội đều có Chùa Hội Quán. Tổng số hội viên của HỘI năm 1945 là trên bốn triệu. Số ấy đến ngày nay vẫn tăng chứ không giảm. Hiện nay có những Chi hội, Tỉnh hội hay các hội viên lẻ tẻ không liên lạc với Tổng Trị Sự, nhưng các Chi hội, Tỉnh hội, hội viên lẻ tẻ ấy vẫn tiến hành Phật sự theo điều lệ qui tắc của HỘI; họ vẫn là « Hội viên HỘI PHẬT HỌC » toàn vẹn từ đời sống cá nhân cho đến đời sống xã hội, bất cứ dưới phương trời nào. Và chắc

chấn vì hoàn cảnh, có lẽ Phật sự của họ có phần hơn chúng ta, vì tuy không có TÔNG TRỊ SỰ hướng đạo, nhưng đã có ĐỨC TUỆ ĐỨC ĐẠO SỰ và mục đích sáng ngời của HỘI ĐẤT ĐIU chi phối họ. HỘI VIÊN HỘI PHẬT HỌC không hề xa cách nhau mâu thuẫn nhau vì không liên lạc về phương trời trú ở. Đó cũng là một thành tích đáng kể nhất, đồ sộ ngang với những ngôi Chùa HỘI quán đồ sộ rải rác khắp các xứ Trung Việt.

Có được thành tích như vậy là chính vì HỘI PHẬT HỌC đã đặc biệt chú trọng đến việc HOẰNG PHÁP. Cho nên cái đáng kể nhất là những thành tích tinh thần, thành tích văn hóa sẽ trình bày sau đây, còn thành tích trên chỉ là kết quả của nó mà thôi.

Về mặt tinh thần, HỘI PHẬT HỌC đã dùng phương pháp này để thấu đạt: thiết lập Phật Học Đường, xuất bản tạp chí Viên Âm, phát hành Phật Học Tùng Thư, và Diễn Giảng lưu đ ng.

Riêng Phật Học đường — mà cứu cánh thành tựu được là nhờ đại sư THÍCH TRÍ ĐỘ — đến năm 1945 đã đào tạo một số tăng tài khả quan trong một Tông Lâm kiều mẫu tông làm KIM SƠN. Ngày nay tuy đồng một nỗi điêu tàn với Non sông, KIM SƠN chỉ còn dấu vết nguy nga, nhưng dấu vết ấy cũng có thể là cái dấu vết vĩ đại của tông làm NA LAN ĐÀ muôn thuở của Ấn Độ sau Phật Đả thi tịch 700 năm. Và tinh thần ảnh hưởng của KIM SƠN bây giờ tỏa khắp mọi phương trời, mọi tổ chức, mọi Phật sự. KIM SƠN tuy chỉ còn dấu vết, nhưng Phật Học Viện MAI SƠN, Phật Học Viện LIÊN HẢI là con đẻ của KIM SƠN. Người của KIM SƠN cùng khắp Trung, Nam, Bắc, đem kim ngôn của Phật Đả truyền bá khắp nơi dưới tất cả hình thức.

Còn tạp chí Viên Âm là một tạp chí có lịch sử 17 năm. Trên đường HOẰNG PHÁP của HỘI, Viên Âm là đại công báo của PHẬT HỌC. Tuyên dương Chánh lý, tồ phá tà sơn

phù diệt chúng sinh, giản biệt ngu ngoại, Viên Âm đã làm tròn sứ mệnh thời loa Chánh Pháp, đánh trống Chánh Pháp, rưới mưa Chánh Pháp, phổ nhuận quần sinh vậy. Viên Âm suốt trong quá khứ và trong hiện tại của nó, chỉ làm cây đuốc tỏ và sáng, soi đường chiếu sáng cho nhân quần, nó không phải, không làm cây đèn riêng cho nhà ai. Nó là tiếng nói viên mãn, không riêng tư cho người nào. Viên Âm học hạnh của Ngài THƯỜNG BẮT KHINH, chỉ thành nói vào tai mọi người rằng: «*Ngài sẽ thành Phật Đà, vì Ngài có Phật tánh*».

Đến như Phật Học Tùng Thư, thì đó là một tủ sách đủ ba bộ phận về PHẬT HỌC, là kinh luận nghiên cứu, và phổ thông. Với mục lục của nó đã công bố, chúng ta thấy rất hy vọng. Chúng ta tin chắc rằng, với sự cố gắng, Phật Học Tùng Thư rất có thể đạt đến mục đích tác thành «*dại tạng thánh giáo*» cho Việt Nam. Và trong Tùng thư ấy là do sự xây đắp của tất cả ngòi bút cao nhất của giới Phật Học hiện đại. Cuốn kinh, cuốn sách nào phát hành mà có nêu đề Phật Học Tùng thư, thì tin đề Phật giáo có thể khỏi phải e ngại là nguy thư, hay viết lầm dịch sai. Phật Học Tùng Thư là tủ sách duy nhất cung cấp một cách thỏa mãn cho thị hiếu của các nhà khảo cứu PHẬT HỌC.

Trên đây là tất cả công tác của HỘI PHẬT HỌC. Phối hợp với những việc này, HỘI PHẬT HỌC còn đặc biệt chú trọng đến DIỄN GIẢNG một phương pháp dùng ngày thân giáo khẩu giáo của các vị Giảng Sư trực tiếp giảng giải Giáo lý cho hội viên và quần chúng. Việc l m này áp dụng ngay từ trước khi lập HỘI cho đến bây giờ. HỘI thành lập được, tinh thần HỘI được rõ ràng ra giữa quần chúng, HỘI được phát triển mạnh mẽ và chân chánh một phần nữa là nhờ phương pháp diễn giảng vậy.

Tất cả thành tích này đem lại những gì từ ngày HỘI PHẬT HỌC thành lập đến giờ ?

10/ Trước hết là kết quả làm cho hội viên có trình độ hiểu biết Chánh Pháp tương đối. Ít ra, bây giờ họ cũng hiểu thế nào là Phật Đà, thế nào là việc đáng làm của Phật tử, và nhất là biết những hình thức giữa này, cái gì là của Phật Giáo, cái gì là của ngoại đạo giả trá, ông thầy hành động thế nào là chân chính, hành động thế nào là phản bội Phật Pháp.

20/ Những mê tin hủ tục đã bị bỏ một cách không ngờ. Họ hiểu mình từ đâu đến và chết rồi sẽ đi đâu. Họ biết cuộc đời mình do chính mình sáng tạo. Họ hiểu vũ trụ chỉ là hiện thân của nhân duyên quan hệ, mà nhân lực chi phối hết thảy. Họ không còn tin trời đất ma quỷ nữa, không còn phù phép vàng mã nữa. Và những hủ tục cũng được tiêu trừ. Ai ra Hà Tĩnh, cứ đến ngày chợ phiên tỉnh sẽ thấy và nghe các hàng bán vàng mã gà vịt ế ẩm đi, và phiên trách HỘI PHẬT HỌC, vì từ ngày HỘI thành lập ở tỉnh ấy, thì dân chúng không còn mua gà vịt, vàng mã để tế giỗ cúng kính ngày mùng năm nữa. Cho dầu ngày này còn một số người cổ bảm viú mê tin dị đoan, nhưng thâm tâm họ đã hiểu là sai lầm, là điên đảo. Đó cũng là kết quả do HỘI PHẬT HỌC đem Chánh Pháp truyền bá ra vậy.

30/ Ngoài những kết quả trên, điều đáng quý nhất là nhờ bốn phương pháp trên kia đào luyện, mà HỘI PHẬT HỌC làm cho hội viên của hội đã áp dụng chân tinh thần Phật Học vào đời sống của mình. Chúng ta thấy ở thôn quê, những nơi có khuôn Tịnh độ, trước khi chưa thành lập thì dân chúng cư xử với nhau như thế nào, mà bây giờ thành lập khuôn Tịnh độ rồi, họ sống hòa nhịp và hoạt động với nhau dường nào. Ngay từng cá nhân cũng vậy. Họ cảm hóa một cách mà chính họ không ngờ. Họ thay đổi được những tính xấu mà không thần lực nào bắt họ đổi được. Họ làm được những việc hữu ích mà chính cần đảm: họ không tác động họ nổi.

40/ Riêng đối với tuổi trẻ, HỘI PHẬT HỌC lại thấu
lược được những kết quả không ngờ hơn những thành tích
trên. Về chỗ này, muốn đầy đủ nhất, chúng ta chỉ nói tóm
tắt, là cái tinh thần từ bi, trí tuệ, thanh tịnh, hoan hỷ và
tinh tấn của Phật Đà, HỘI PHẬT HỌC đã xây dựng được
cho tuổi trẻ trên nền tảng Chánh tín Phật Đà, Đạt Ma, và
Tăng già.

Sáng chói thay, những thành tích của HỘI PHẬT HỌC
VIỆT NAM. Thành tích ấy nếu đem đề vào trong bề Chánh
biến tri của chư Phật nó sẽ như ngọc pha lê bỏ vào nước
trong không khác sắc, chẳng đổi màu.

V. — Địa vị Hội Phật Học.

Do tất cả những điều đã trình bày trên, chúng ta thấy
trong xã hội cũng như trong Phật Giáo, HỘI PHẬT HỌC
có một địa vị cần thiết, không thể không có mặt.

Ngày mà đức Từ-Phụ Niết Bàn đến nay hơn 2500 năm
rồi, nhưng mặt trời Chánh - Pháp vẫn chiếu sáng toàn cõi
đại địa. Riêng Việt Nam đã được ánh sáng ấy chiếu đến
toàn cõi hơn một nghìn năm nay. Trong lịch sử tổ quốc,
những giai đoạn Phật Giáo thịnh hành là quốc gia được tự
chủ, độc lập và hùng cường. Ngày nay Phật giáo Việt
Nam đã được HỘI PHẬT HỌC phục hưng ánh sáng rực rỡ
thêm. Vì vậy mà Phật-giáo Việt-Nam không thể không có HỘI
PHẬT HỌC. Thiếu HỘI PHẬT HỌC là thiếu lực lượng kiến
thiết và duy trì nền Phật-giáo Việt-Nam và thiếu Phật-giáo
Việt-Nam thì quốc-gia Việt-Nam mất một lực lượng kiến
thiết nền xã-hội mới vậy.

Lại như trên kia đã nói, Phật-giáo là Đạo cốt đào
luyện cho Con Người ba đức tính Bi Trí Dũng trên nền
tảng từ bi, trí tuệ, và hùng lực của ĐẠT MA (SỰ THẬT).
Cho nên Con Người mà lý khai PHẬT HỌC thì Con Người

đã tiêu diệt rồi, chứ đừng nói đến gia-đình của Con Người xã hội của Con Người, tổ quốc của Con Người, và hạnh phúc của Con Người. Phật Giáo là cái ĐẠO GỐC CỦA CÁI GỐC TẤT CẢ TỔ CHỨC XÃ HỘI LOÀI NGƯỜI LÀ CON NGƯỜI. Cho nên cái địa vị của Phật-Giáo nó hệ trọng cũng ngang với sự hệ trọng của địa vị trung tâm điểm của Con Người với xã hội người. Sự có mặt của Phật giáo nó cũng cần thiết ngang với sự có mặt của Con Người trong xã hội người. Giá trị của Phật-Giáo nó cũng tuyệt đối như Con Người là cội gốc duy nhất của xã hội người. Phật Giáo chỉ có thể tiêu diệt khi nào Con Người tiêu diệt, hay nói một cách khác, Phật-Giáo tiêu diệt thì Con Người cũng tiêu diệt vậy. Phật-Giáo còn, Con Người còn, Phật-Giáo mất, Con Người mất.

Cho nên thế giới loài người không thể thiếu mặt Phật Giáo. Hòa bình thế giới không thể ngoài Phật-Giáo. Địa vị Phật-Giáo đối với loài Người quả là địa vị tuyệt đối, và tuyệt đối phải có.

Mà HỘI PHẬT HỌC là học h ãnh và hoằng dương Phật-Pháp. Thì lẽ dĩ nhiên địa vị của nó không những chỉ hệ trọng đối với dân tộc Việt-Nam, mà còn hệ trọng vô cùng đối với toàn thể thế giới. Việc làm của HỘI PHẬT HỌC không những xây dựng Tự-do Tự-tồn cho dân tộc Việt-Nam, mà còn xây dựng và duy trì nền Hòa-Bình chung cả thế-giới vậy.

Sự phát động phong trào THẬT HỌC là muốn cùng tín đồ Phật Giáo toàn thể giới xây dựng hạnh phúc Nhân Loại trên nền tảng ĐẠT MA. Với Giáo lý rực ánh hào quang của PHẬT HỌC, với tôn chỉ sáng ngời của HỘI PHẬT HỌC, với hành động như thật của HỘI PHẬT HỌC, với thành tích thanh tịnh của HỘI PHẬT HỌC, với tổ chức duy nhất của HỘI PHẬT HỌC, HỘI PHẬT HỌC chắc chắn có thể

làm tròn nhiệm vụ truyền bá Chánh-Pháp Như-Lai, và tiến tới Hòa-Bình Nhân Loại.

Thật ra trong những ưu điểm đặc biệt của HỘI PHẬT HỌC kia, HỘI PHẬT HỌC cũng cố những khuyết điểm đáng kể. Song với Giáo-lý vô thượng của Phật đà, với tôn chỉ Học-Phật của HỘI, HỘI PHẬT HỌC dù gặp khó khăn trở ngại, vẫn tiến tới nhiệm vụ chân thật và hữu ích của mình. Với tinh thần đại vô úy, đại dũng mãnh của Phật Học, nội chương sẽ tiêu tan, ngoại chương sẽ tiềm phục, trước sự tiến bước ấy. Vả dầu dưới danh từ HỘI PHẬT HỌC hay bất cứ một danh từ nào, ưc vạn hội viên HỘI PHẬT HỌC vẫn đem chân tinh thần HỘI PHẬT HỌC tác động khắp cả các tổ chức Đời và Đạo, khắp cả đời sống cá nhân và đời sống xã-hội. Sự tồn tại như thế thì hữu danh đã hữu thật mà vô danh cũng hữu thật. Sự tồn tại là sự tồn tại của HỘI PHẬT HỌC, của PHẬT HỌC vậy.

THƯ' TÍN

Xin chân thành cảm tạ các bạn đã gửi bài đăng Viên-Âm. Chúng tôi sẽ tiếp tục đăng dần. Lệ của nhà báo không gửi trả lui bản thảo và giữ quyền nhuận sắc. Những bài vở xin viết hoặc đánh máy vào một mặt, để tiện việc ấn loát.

Kính mong các bạn hoan hỷ.

VIÊN ÂM

NHỮNG MẪU CHUYỆN ĐẠO

MINH-CHÂU

Ngày 15 tháng 2 là ngày đức Phật Thích-Ca nhập Niết-Bàn sau 49 năm thuyết pháp giáo hóa chúng sanh. Dưới đây là một vài mẫu chuyện tả rõ sự đau-khổ của chúng sanh khi nghe tin đức Phật sắp nhập Niết-Bàn, và nhắc nhở lại những lời dạy cuối-cùng của Ngài. Chúng ta sẽ thấy rằng tất cả lời nói ý nghĩ và việc làm của Ngài đều thể theo lòng từ bi vô lượng, luôn luôn thương tưởng và cứu giúp cho toàn thể chúng sanh.

1) Đức Phật độ cho ông Tu Bạt Đà La.

Lúc bấy giờ, ông Tu Bạt Đà La nghe những lời dạy của đức Phật, liền được pháp nhãn tịnh, bỏ các tà kiến muốn cầu xuất gia. Đức Phật tán thán thiện tâm của ông Tu Bạt Đà La, cho nhận vào hàng Sa-Môn, dùng nước pháp tánh trí, rửa sạch cùng tận tâm nguyên, dứt sạch mọi trần phược ái trước, phát sanh ý giải, được quả A la Hán. Ông Tu Bạt Đà La liền quỳ thẳng, chấp tay vui buồn xen lẫn, tự giận tự trách mà bạch Phật rằng: “ Con rất lấy làm ân hận cho cái thân độc hại của con từ trước đến nay, thường hay khinh mạn nên con phải lâu ngày bị chìm đắm trong vô minh tà kiến, sa lầy trong ngục thuyết của ngoại đạo ở ba giới, chịu sự thiệt hại thật quá sâu dày; nay con gặp được một sự may mắn rất lớn, nhờ ân Như Lai được nhập chánh pháp. Bạch Thế Tôn, trí huệ của Như Lai rộng lớn như bể cả, lòng từ mẫn của Như Lai không thể nghĩ lường. Chúng con tự nghĩ đầu cho trải qua vô lượng kiếp, tan nát cả thân thể cũng không thể báo đáp ân đức ấy. Nhưng ân đức đến, con chỉ được hưởng trong một thời gian quá

ngán ngủ nên con không thể cầm lòng mà không khóc than sâu
nào được. Con nay tuổi đã già rồi, mạng sống còn chẳng là bao, mà
các món khổ vẫn doanh vây bức bách. Còn xin cầu thỉnh Như
Lai chớ có nhập Niết Bàn. » Đức Phật không chịu. Ông Tu Bạt
Đà La liền gào khóc thảm thiết, gieo thân xuống đất, bất tỉnh một
hồi lâu mới dậy. Ông lại nghẹn ngào than trách và bạch rằng « Con
nay không thể nhẫn tâm ngồi xem đức Như Lai vào Niết Bàn
trước con, con phải chết trước đi mới được. Xin nguyện đức Như
Lai nhập Niết Bàn sau con ». Nói lời ấy xong, ông liền khóc lóc,
lòng cảm thương quá độ và ông nhập Niết bàn. Lúc bấy giờ đức
Như Lai sai lấy gỗ thơm làm lễ trà tỳ, thiêu thân cho ông Tu
Bạt Đà La.

KINH NIẾT BÀN.

2) Lễ cúng dường cuối cùng của Thuần Đà.

Ở nước Câu Di Na Kiệt có vị Trưởng giả tên là Thuần Đà
cùng 500 vị Trưởng giả, nghe tin đức Phật sắp nhập Niết-Bàn liền
đến đánh lễ khóc lóc mà bạch Phật rằng: « Xin Ngài từ bi thương xót
chúng con, thọ lãnh lễ cúng dường này, nhờ vậy chúng con mới được
giải thoát » Đức Thế Tôn bảo Thuần Đà rằng: « Ta nay vui lòng thọ
lãnh lễ cúng dường cuối cùng của ông. Các ông chớ có sanh lòng ưu
não, chính nên phải sung sướng hoan hỷ, đừng có cầu thỉnh Như Lai
ở lại lâu làm gì. Các ông thử quán sát mà xem, ở đời mọi vật là
vô thường, hết thảy chúng sanh cũng lại vô thường. Dầu ở lâu trên
đời rồi có ngày cũng bị diệt tận; tuy sanh trường thọ yểu, mạng sống
cũng có lúc bị tổn hoại; mạnh sẽ bị bệnh bức khốn, người sống rồi
phải chết, dầu có thể thường tại lâu ngày, cho đến vợ con vàng bạc
voi ngựa cũng chịu luật vô thường chi phối. Những kẻ thân thích như
ở trên đời cũng phải chịu biệt ly; duy có bốn món hoạn lớn chi phối
con người là sanh lão bệnh tử ». Thuần Đà nghe nói, lại càng thảm
thiết khóc lóc, khẩn cầu đức Như Lai ở lại. Đức Phật bảo rằng:
« Ông chớ nên khóc lóc làm loạn động tâm niệm. Hãy bình tĩnh suy
xét. Nên biết rằng tất cả pháp hữu vi đều không kiên cố chơn thực ».
Thuần Đà bạch Phật rằng: « Đức Như-Lai không thương xót chúng
con nên không không chịu ở lại trên đời. Thế giới này mà không

có đức Phật thời vắng vẻ trống rỗng như hư không, làm sao chúng con lại không than khóc được ». Đức Phật lại phải dạy rằng : « Đức Thế-Tôn thật vì có lòng thương tưởng chúng sanh và các ông nên mới nhập Niết bàn. Hết thầy Phật-pháp đều vô thường, hết thầy pháp hữu vi cũng đều vô thường »

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

3) Lời huyền ký của đức Phật

Khi đức Thế Tôn gần nhập Niết Bàn, Ngài nói với ông A-Nan rằng : « Sau khi tôi nhập Niết Bàn, trong thời mạt pháp, các đệ-tử bỏ chánh giáo của đức Phật, tham cầu lợi dưỡng, tập các môn hí-luận. Đối với Pháp của tôi, không chịu tu tập thân giới tâm tuệ. Cùng nhau phân tranh, phi báng, tàn hại. Thường ham sắm các đồ tốt đẹp, y-phục xa hoa, nhà cửa tráng lệ. Thường ưa tụ hội với các hàng tôn hữu ác đàng. Dầu cho có tri giới cũng chỉ cốt hủy báng nhau, và chỉ giữ trong một thời-gian rất ngắn mà thôi. Do nhơn duyên như vậy mà các hàng Thiên-long lấy làm buồn não thương hại xa lánh, còn các vị Đại Thần Trưởng giả thời không sanh lòng tịnh tín đối với Tam Bảo, hay lãng nhục khinh phạm. Do nhơn duyên như vậy mà các hàng Tỷ kheo tạo ác càng sâu và các vị Đại Thần Trưởng giả càng không cung kính. Tuy vậy, uy thế của Tam Bảo không phải diệt tận. Trong thời mạt pháp ấy, vẫn có những bậc Tỷ-kheo thiêu dục biết đủ, giữ gìn cấm giới, tu hành thuyền định, ham học nghe nhiều, thọ trì ba tạng giáo pháp của Như Lai. Những vị Tỷ kheo ấy lại vì hết thầy chúng sanh mà phân biệt điển-giăng, khiến cho vô lượng loài hữu tình đều được lợi-ích. Lại có vị quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, thiện nam tín nữ rất có tâm luyện tiếc chánh pháp, luôn luôn cúng dường cung kính tôn trọng tán thán Tam Bảo, phát tâm hộ trì kiến tạo Tam Bảo, không một chút ân hận. Nên biết pháp nhĩ là như vậy, không thể tu nghĩ. Chính trong thời ấy, có những vị Bồ Tát vì bồn nguyện lực, hộ trì chánh pháp vô thượng của đức Như Lai và làm những sự lợi ích cho hết thầy loài hữu tình.

PHÁP TRÚ KINH

4) Lời huấn từ cuối cùng của đức Phật.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn dạy các vị Tỷ-Kheo rằng : « Các người nên biết chính tự thân của tôi tác chứng thành đấng chánh giác, các pháp tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, tứ thiền, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo. Các pháp ấy hòa đồng kính thuận. Các người chớ sanh lòng đố kỵ hơn thua trái hiệp, vì các pháp ấy đều do một thầy truyền dạy, hòa hợp như nước với sữa. Các người lại nên thọ học 12 bộ kinh ta đã giảng dạy. Các người nên khéo thọ trì, xứng lường phân biệt, tùy sự tu hành. Đức Như Lai trong 3 tháng nữa sẽ nhập Niết Bàn. » Các vị Tỷ kheo nghe như vậy liền gieo mình xuống đất khố lóc rất thâm thiết. Đức Phật liền nói rằng : Các người chớ có sanh lòng sầu não. Các người xem, trời đất người vật không có ai không sống mà không chết, không có một pháp hữu vi nào lại không chịu sự biến dịch. Chính ta đã thường dạy cho người rằng : « ân ái là vô thường, hợp hội rồi sẽ phân ly, thân chẳng phải vật sở hữu của ta, mạng sống không luôn luôn tồn tại. Tuổi ta đây đã già yếu, mạng sống chẳng còn bao nhiêu, những công việc cần phải làm, ta đã làm rồi. Vậy nay ta cần phải lìa cõi đời. Các bậc Tỷ kheo cần phải nhiếp ý định tâm ; với giáo pháp của ta, không phóng dật buông lung mới có thể diệt trừ gốc của đau khổ, và thoát khỏi sanh tử ».

Kinh TRƯỜNG A-HÀM.

5) Lời di-giáo của đức Phật.

Lúc bấy giờ, đức Như Lai sắp sửa nhập Niết Bàn. Nửa đêm tịch tịnh, không một tiếng vang, Ngài nhắc nhở các đệ tử của Ngài, những lời dạy cuối cùng sau này : « Các người Tỷ Kheo sau khi ta diệt độ, cần phải tôn trọng cung kính Ba la để mặc xoa, xem giới như người mù được thấy, như người nghèo được châu báu. Các người nên biết giới thiết là bậc Đại sư của các người, cũng giống như ta ở đời không có sai khác. Giới là chánh thuận, là gốc của giải thoát, cho nên gọi là Ba la để mặc xoa. Do giới mà sanh định và nhờ trí tuệ để diệt khổ. Các người nên giữ tịnh giới, chớ có huỷ phạm khuy khuyết ; nếu giữ tịnh giới thì được những pháp lành ; nếu không giữ tịnh giới thì các thiện công đức không thể sanh được. Các người hãy tinh tấn để tự giải thoát. Hãy tự mình thấp đức lên mà đi. Tôi nay sắp nhập Niết Bàn và đó là những lời dạy cuối cùng của tôi.

Kinh DI-GIÁO

Lương Vô Đế

(tiếp theo số 88)

Thắng lợi chân chính là ở Phật-giáo chứ không phải ở vũ khí. — A-DỤC.

THÍCH THUYỀN-MINH

III

Hải-Triều-Âm viết: « Sau khi đức Thế-tôn diệt độ, Phật-giáo phồng một màu sắc rực rỡ chiếu diệu nhân-gian, hơn 2.000 năm nay chiếm một địa vị trọng yếu trong lịch-sử văn-hóa thế-giới; nhân loại thọ ân vô lượng vô biên, là nhờ sức truyền-bá của vua A-Dục và Lương-vô-Đế vậy »

Đó là một sự thiệt. Nếu không có Vua A-Dục bủa các phái đoàn đi truyền pháp thì không thể có Phật-giáo ở Thổ-nhĩ-Kỳ, Tích-Lan Miến-Điện, v.v... Một mặt cực lực truyền bá, mặt vua A-Dục còn dựng lên các bia đá khắp các nơi đề ghi những tư tưởng Phật-giáo. Những Bia ấy bây giờ vẫn còn và được tìm ra càng ngày càng nhiều. Đây là một trọng muôn nghìn câu bất hủ của các bia văn ấy :

« Thắng lợi chân chính là ở Phật-giáo chứ không ở vũ-khí ».

Đó là công việc vua A-Dục. Còn đây là sự nghiệp kiến-thiết của Lương-vô-Đế :

« Trong tất cả thời-dại, người cư-sĩ truyền bá Phật-giáo cao nhất không ai bằng Vô-Đế. Nhà vua ngồi cao đến hoàng-đế

thì tâm cao đến Đại-giác. Dùng chánh-pháp cứu giúp người, ân đức bủa khắp bốn phương. Riêng đối với Đạo thì làm Chùa, đúc Tượng và khắc Kinh độ Tăng không thể kể xiết. Nhà vua chỉ khai đạo người bằng Phật-thừa, đoạn tuyệt hẳn ngoại đạo Lão Trang». — ĐẠI-ĐƯỜNG-NỘI-ĐIÊN - LỤC.

Sự nghiệp kiến thiết của Lương-vô-Đế rộng lớn đến nỗi một số Thuyền-Sư phải cho là nhân thiên tiều quả.

Lương-Vô-Đế không những kiến thiết như vậy, mà đối với việc nghiên cứu Giáo-Lý thì các triều đại đế vương không ai bằng nữa. Chính ông thân chú giải kinh ĐẠI PHẠM BÁT NHẢ thành 50 cuốn. Bộ ấy rất tiếc là ngày nay không còn nữa, nhưng cứ đọc một đoạn tự sau đây thì ta sẽ thấy chỗ độc đáo của ông :

« Ma-Ha-Bát-Nhã sâu xa không lòng đáy, rộng lớn không giới hạn, tâm hành diệt, ngôn ngữ đoạn, không thể tìm bằng số thuật, không thể biết bằng ý thức, không phải ba ánh sáng soi thấu, không phải bốn biện-tài luận đến. Nó là chánh hạnh của Bồ-tát, là đường thẳng của Đạo-tràng, là chân pháp của qui nguyên, là đứng đầu của xuất-yếu. Nếu nói chỗ Nhất-Tướng thì tuyệt cả bách phi, bỏ xú phải lặng thình, đăng-giác hết phân biệt. Gần đây người học ít ai tôn trọng, hoặc có nghe chăng thì không mấy người được hưởng vị trong Kinh, nên lời của Kiêu-Thi Ca thiết có chứng cứ vậy. Đó là điều mà thánh-hiền lo nghĩ, Bồ-tát e sợ. Nên xướng càng cao họa càng ít, họa càng ít đạo càng quý, đến nỗi Chánh-Kinh khuất lấp đi, thiết chỉ vì người ta hư-kỷ ít, hoài nghi nhiều. Hư-kỷ ít nên ngã-kiến sâu, hoài nghi nhiều nên phân biệt lắm. Phân biệt tuy nhiều, không ngoài bốn thứ :

- 1) Cho Kinh này chưa cứu kính nên chỉ chú trọng Niết-Bàn.
- 2) Cho Kinh này chưa hội ba thừa nên đều tụng học Pháp-Hoa.

3) Cho Kinh này là thông lý của ba thừa, lý thú Kinh này cũng ăn thông với Thanh-Văn.

4) Kinh này là hạnh tiệm thứ, trong Tiệm-giáo Phật nói Kinh này vào thời kỳ thứ hai. Đó, ý-kiến phân vân như vậy, nhưng không một thứ nào đúng đắn và có căn-cứ cả. Nay tôi chỉ đưa ra đây và tỏ bày vắn tắt ý kiến của tôi. Kinh NIẾT-BÀN tỏ Quả đức, Kinh BÁT-NHÃ nói Nhân-Hạnh. Tỏ Quả-đức thì lấy Phật-tánh thường trú làm gốc, nói nhân-hạnh thì lấy Trung-đạo vô sanh làm chủ. Theo danh từ thì còn nói đây là Bát-Nhã kia là Niết-Bàn, chứ thẳng nghĩa thì đâu còn được cái này hơn cái kia thua ? PHÁP-HOÀ hội ba thừa qui về một thừa, ba trừ mà một còn ; một ấy tức là thể tướng, nên lấy vạn-thiện làm thừa-thể ; BÁT NHÃ chính ba thừa mà không còn ba, ba mất, một cũng chẳng còn : các pháp đều vô đặc nên lấy vô-sanh làm thừa thể. Vô sanh tuyệt hết hý luận, cứu kính không còn ba thừa có thể hội thông nữa, nên trăm hoa tuy khác màu mà đồng chung một gốc ; muôn pháp đều khác tướng mà đồng về Bát-Nhã vậy »

Coi đó thì có thể tưởng thấy nội dung bộ số của ông nó phong phú đến bực nào.

Ngoài việc tự mình chú số, Lương-Vô-Đế còn nghĩ rằng bề Chánh pháp rộng lớn, kẻ ít trí tuệ khó bề tìm cứu nên thỉnh Ngài Bảo-Xương chùa Trang Nghiêm biên tập bộ CHƯ KINH YẾU SAO 80 cuốn, hiện nay đã mất; lại biên tập bộ KINH LUẬT DỊ TƯỚNG 50 cuốn, bộ này hiện còn trong Tạng, nội dung đầy đủ giúp ích rất nhiều cho học giả. Đó là những bộ sách mở đầu cho sự soạn tập. Sau này PHÁP UYÊN CHÁU LÂM của Ngài Đạo-Thế, hay TÔN-CẢNH-LỤC của tổ Vĩnh-Minh, ĐẠI THỪA PHÁP-UYÊN của số chủ Khuy Cơ thầy đều có thể vì thấy những bộ ấy mà soạn ra. Lương-Vô-Đế lại còn thỉnh pháp sư Bảo-Lượng soạn kinh NIẾT-BÀN NGHĨA-SỞ chín tháng mới xong, nhà vua thân viết tự rằng :

« Nói khái quát thì tất cả kinh luận không ngoài hai xu hướng: Phật-tánh mở gốc bản-hữu, Niết-bàn qui quả cùng cực. Nên Kinh này phân biệt khó thấu, ngôn thuyết khó cùng, nếu đức không bình đẳng, tâm không hợp vô sinh, thì nhà ngọc vách vàng để gì vào được » ?.

Ngài Bảo Lượng là người siêu quần bạt tực. Hai đại đức danh tiếng Pháp-Vân Vân-Quang đều là môn đồ của Ngài. Ngày nay ai đi qua Vn-hoa-dài ở Kim-Lăng cũng có thể tưởng tượng được sự thanh hành của ngài xưa vậy.

Ngoài những thứ sách trên, Lương-Vô-Đế còn thân làm bộ TỊNH-DANH-SỐ (hiện không còn) và LƯƠNG HOÀNG SÁM, THỦY LỤC ĐẠI TRAI, đến nay còn thâm nhập nhân-gian, lợi ích cho cả lục đạo chúng-sinh vậy.

(Hết đoạn III.)

LỜI PHẬT DẠY

Người kiến đạo như người cầm đuốc vào trong nhà tối, bóng tối liền diệt, chỉ còn ánh sáng; người học đạo hiểu được lý chơn-thiệt thì vô minh liền diệt, tánh sáng suốt thường còn hiện ra vậy.

Kinh Tứ thập nhị chương

Chữ NGHIỆP trong Đạo Phật

PHÁP SƯ NARADA

MINH-CHÂU dịch

Nghiệp báo là một định luật nhưn quả về luân lý, *luân hồi* là một kết quả hệ thuộc. Nghiệp báo và luân hồi liên quan thống hệ với nhau và cả hai là những giáo lý căn bản của đạo Phật. Sự thật, hai giáo lý trên ra đời trước đức Phật, nhưng chỉ có đức Phật là người đã giải thích và trình bày hai giáo lý trên một cách cặn kẽ và rõ ràng, không vị giáo chủ nào sánh kịp. Lịch sử cho chúng ta rõ ràng, định luật *Luân hồi* rất được các hạng giáo sĩ, triết nhân, thi sĩ và nhiều hạng người tin tưởng, chung cho cả Tây phương và Đông phương.

Ở nơi đây, cần phải đề ý ngay rằng, Phật tử chúng tôi không xem Nghiệp báo Luân hồi như một trường hợp đặc biệt của sự sinh hóa tự nhiên.

Nguyên nhân của sự không bình đẳng giữa xã hội loài người là gì ? Chúng ta cần hiểu cuộc đời phù thế vô thường hiện tại như thế nào ? Vì sao người này lại sinh trưởng trong cảnh xa hoa, bảnh tảnh thông minh và cao đẹp, còn người kia thì chìm đắm trong đau khổ khốn cùng. Vì sao người này sẽ là một bậc vĩ nhân, người kia là một kẻ ngu độn, người này là một vị Thánh, người kia là một đấng sát nhân, người này là một nghệ sĩ, một nhà toán học, một nhạc sĩ từ khi mới lọt lòng, người kia sanh ra đã mù, điếc và què quặt ? Đối với những sự sai, khác không bình đẳng này, cần phải có một hoặc nhiều nguyên nhân hay chỉ là một sự ngẫu nhiên hoàn toàn ?

Không một nhà thức giả nào lại cho rằng, sự sai khác bất bình đẳng này chỉ là một sự rủi may mù quáng hay là một sự ngẫu nhiên tình cờ. Tất cả sự hưởng thọ của một người nào cũng vậy, đều do vì nguyên

nhân này hay nguyên nhân khác. Những nguyên nhân này có thể ra ngoài sự tưởng tượng và hiểu biết của những người tầm thường. Cái nguyên nhân chính đáng vô hình của những hiện tượng hữu hình có thể không ở trong hiện tại, mà ẩn núp trong một quá khứ gần hay xa.

Còn những nhà khoa học đối với những sự bất-bình đẳng và sự sai khác trong xã-hội như thế nào? Hạn cuộc trong phạm-vi tương đối của các giác-quan, các nhà khoa-học cho rằng những nguyên nhân chính đều do sự di truyền và hoàn cảnh.

Julian Huxley thuyết minh rằng có thứ chủng-tử kiểm soát về màu sắc, có thứ kiểm soát về hình thể và trọng lượng, có thứ về đời sống thọ yểu, có thứ về sức mạnh yếu, có thứ về sự cân đối của thân thể. Tất cả hay ít ra một số lớn của những tánh chất di truyền đều chịu sự kiểm soát chi phối của các chủng-tử. Riêng đối với những đặc tánh của tâm thần, nhất là những đặc tánh phức tạp tinh-tế, thời rất khó mà tìm những bằng chứng xác đáng. Nhưng nếu những đặc tánh ấy dĩ nhiên là do di truyền đưa đến, sự di truyền ấy lại chịu sự chi phối của một động cơ sai khác với những đặc tánh về vật chất. Các tánh của chúng ta do di truyền đem lại và những đặc điểm về cơ thể của chúng ta đều chịu sự chi phối cách này hay cách khác của sự tương quan các động cơ về chủng tử, động cơ ấy chúng ta đã mang sẵn trong thời kỳ sanh hóa ở bào thai.

Chúng ta phải công-nhận rằng sự di-truyền và hoàn cảnh xung quanh có hệ thuộc trong sự sanh hoạt, nhưng những sự sai khác nhỏ-nhệm giữa người và người không phải chỉ do chúng nó mà sinh ra. Ví dụ, vì sao những anh em sinh đôi, về hình thể rất giống nhau, lại được nuôi dưỡng trong một hoàn cảnh sanh hoạt như nhau, mà phần nhiều tánh-tình, tư-tưởng, học thức sai ngược trái hẳn nhau?

Chỉ một nguyên nhân di truyền không thể giải-thích những sự sai khác to lớn như vậy. Sự di-truyền chỉ cắt nghĩa những sự tương đồng đại cương, mà phải bó tay trước những sự sai biệt. Cái tế bào cực vi thuộc về vật chất mà chúng ta lãnh thọ nơi cha mẹ chúng ta, chỉ cắt nghĩa được một phần con người mà thôi.

Theo đạo Phật, tất cả những sự cách biệt sai khác, không những chỉ do sự di-truyền, hoàn cảnh xung quanh của cảnh vật chung sống và của các thức ăn, mà cũng là do ở *Nghiệp* (Kamma) của tự thân, hay nói một cách khác, do gia tài chúng ta hưởng thọ của những *Nghiệp* chúng ta ở quá khứ và hiện tại. Chúng ta chịu trách-nhiệm đối với hạnh phúc hay sự đau khổ của chính chúng ta. Chúng ta tạo lấy Thiên Đường, tạo lấy Địa Ngục cho chúng ta. Chúng ta là những kiến trúc sư xây dựng lấy số mệnh của chúng ta. Tóm lại, chúng ta là kết tinh của tất cả những *Nghiệp* của chúng ta, bởi vì chúng ta chỉ là sự kết hóa biểu hiện của *Nghiệp*

Một vị đệ tử, bản khoán trước những sai khác bề ngoài khó giải của nhơn loại, đến hỏi đức Phật, và Ngài trả lời một cách giản-dị rằng: « Mọi sinh vật đều có *Nghiệp* riêng, *Nghiệp* ấy là gia-tài, là nguyên nhân di-truyền, là bà con, là chỗ nương ăn của mọi sinh vật. Chính các *Nghiệp* (Kamma) chia biệt các sinh vật ra từng tâm trạng cao thấp sai khác »

Cái mà người ta thường gọi là đó, chỉ là sự biểu thị tạm thời năng lực vô hình của *Nghiệp*. Chính *Nghiệp* tác thành tư-tưởng, lời nói và việc làm của chúng ta và luôn luôn theo giòng sống cá nhơn như bóng không bao giờ xa hình.

Những khuynh hướng của *Nghiệp* mà chúng ta thừa hưởng trong quá-khứ nhiều khi đóng một địa vị lớn hơn những tế-bào di-truyền kết thành những đặc điểm về thể chất và tâm thần. Ví dụ như đức Phật tuy thừa hưởng nơi cha mẹ những tế-bào và những *chủng tử*, nhưng về mặt thể chất, tánh tình, thời trong dòng dõi Tồ tiên Vua chúa của Ngài không một ai có thể sánh bằng. Chính đức Phật đã nói: « Ngài không thống thuộc về giòng dõi vua chúa mà Ngài thuộc về giòng dõi của các đức Phật » 32 tướng tốt và 80 tướng phụ của Ngài đều do những sở hành của đức Phật trong đời quá khứ và những sở hành ấy được kinh Lakhana tả rõ.

Chúng ta thấy rằng, theo trường hợp duy nhất ấy, những nghiệp lực không n ững ảnh-hưởng đến hình thể chúng ta mà cũng bài trừ những năng lực các tế-bào và chủng-tử của cha mẹ chúng ta. Trên đức

Phật nói rằng : « *Những sinh vật ở trong đời đều thừa hưởng giá-tài của nghiệp do tự thân tạo ra* »

Theo khoa học, chúng ta do cha mẹ sinh ra, và đời sống này tiếp nối đời sống khác. Theo đạo Phật chúng ta do những Nghiệp của chúng ta sinh ra, và sự sống này tiếp nối sự sống khác.

Chính Nghiệp thúc đẩy giòng đời trôi chảy, và sinh tử chỉ là những giai-đoạn của giòng sống. Mỗi một sự sinh đẻ mới chỉ xây thêm một lớp hình thức mới, chứ giòng tâm thức vẫn tự tại trôi chảy không dừng nghỉ, mặc dầu sự tan rã của cở xe vật chất. Với sự dừng nghỉ của Nghiệp, đời sống sẽ không còn trôi chảy, và đúng như danh từ chuyên môn đã gọi, sẽ chuyển đời thành cảnh giới Niết Bàn. Mỗi khi đang còn sự chững chặc của các Nghiệp, thời giòng sống của cuộc đời luôn luôn trôi chảy, không bao giờ dừng nghỉ. Chính Nghiệp lực chi phối tâm thức ban sơ trong lúc thụ thai, và đem sự sống vào cho cái thai, Nghiệp chính thật là di sản trong lúc giao cấu, làm nguyên nhân cho sự phát sinh ra các « sinh vật »

Như vậy, những sự sai khác về tánh tình, tư-tưởng, học thức và khí chất của chúng ta chính do những hành động và khuynh hướng chúng ta chi-phối. Nhưng nếu đạo Phật cho rằng Nghiệp là một trong những nguyên nhân của mọi sự sai-biệt, đạo Phật cũng không công nhận rằng tất cả đều do Nghiệp chi phối. Nghiệp tuy là một định lý hết sức quan trọng, nhưng cũng chỉ là một trong 24 định lý của Triết học Phật-giáo.

Nếu đời sống hiện tại hoàn toàn do những Nghiệp trong quá khứ của chúng ta chi định chi phối, thời Nghiệp cũng tương tự như thuyết định mệnh hay số mệnh, chúng ta không có quyền thay đổi đời sống hiện tại vị lai của chúng ta, và như vậy, tự do ý chí chỉ là một sự giả dối. Đời sống trở thành hoàn toàn máy móc. Lý thuyết cho rằng chúng ta do một vị Thượng Đế toàn năng tạo thành và vị ấy có đặc quyền chi phối chi định đời vị lai của chúng ta — với lý thuyết cho rằng chúng ta do một Nghiệp mãnh liệt tác thành, thống lãnh và định đoạt trước đời sống của chúng ta — đời sống ấy độc lập hẳn ngoài mọi hành động tự do của chúng ta —, như vậy hai lý thuyết cũng

tương tự giống nhau, sự sai khác chỉ nằm trong hai danh từ *Thượng-Đế* và *Nghiệp* mà thôi.

Đức Phật không bao giờ dạy một lý thuyết quá cố định như vậy. Theo quyển luận *Abhidhammavata*, có 5 *Niyamas* hay là 5 môn loại hoặc luận, thường chi phối trong cảnh giới vật chất và tâm thần.

1) *Utu Niyama* (vật chất luận) thuộc về các chất không có cơ quan như những hiện tượng thời tiết về mưa và về gió. Sự vận chuyển không dừng nghỉ của các mùa, sự thay đổi và những hiện-tượng đặc biệt của thời tiết, những nguyên nhân của gió và của mưa, tánh chất của sức nóng v.v đều thuộc về bộ loại này.

2) *Bija Niyama* (chủng nhân luận) thuộc về các loại có cơ quan của các mầm giống hay của hạt giống : như gạo lúa do hạt lúa sinh ra, vị ngọt do cây mía hay mật sinh ra. Định lý khoa học về tế bào và về *chúng-tử*, sự tương đồng giống nhau giữa anh em sinh đôi có thể cho thuộc về bộ loại này.

3) *Kamma niyama* (nhơn quả luận), thuộc về loại các hành-dộng và quả báo, như những hành-vi thiện hay ác phát sinh những quả báo, tốt hay xấu. Đây là một định lý tự động không cần nhờ một động-lực nào khác, cũng như các định lý tự nhiên khác. Định lý nhơn quả này là một định lý phổ biến, nêu rõ mọi hành động về khẩu, thân và ý đều đem lại những quả báo tương đối cho người chủ động. Cũng thiết thực như nước tìm sự thăng-bằng của mặt nước *Nghiệp* cũng tìm đến các kết quả tất nhiên của nó không phải dưới hình thức một sự thưởng phạt, mà chỉ là một liên tục đương nhiên ; sự liên tục giữa nhơn và quả này cũng rất tự nhiên, cũng rất cần thiết, cũng rất quyết liệt và cũng rất chắc chắn như sự vận chuyển của mặt trời hay mặt trăng, sự tàn diệt của những gì sinh nở, sự phản động của các giác quan trước mọi kích động.

4) *Dhamma Niyama* (Danh thực luận) thuộc về phân loại các nguyên tắc như những hiện tượng thiên nhiên phát sanh khi một vị Bồ-tát ra đời hay khi vị ấy nhập Niết Bàn. Sự hấp

dẫn, sức chuyển vận và những định lý tương tự của trời đất, những lý lẽ cần phải từ tế v. v... có thể cho thống thuộc về phần loại này.

5) *Citta Niyama* (Tâm trí luận) phần loại của tâm trí hay là của những định lý, như sự chuyển vận của tâm thức, sự sinh diệt của tâm thức, những phần tử của thức. Tất cả những hiện tượng về tâm lý học đều thuộc vào phần loại này. Trí não cùng những cơ năng của nó hợp thành một môn học đặc biệt trong triết học đạo Phật. Sự giao cảm, sự viễn giác, sự phản ứng của nhận thức, sự tiên tri, thiên nhãn và thiên nhĩ thông, tha tâm thông đều bao trùm bởi định lý này.

Tất cả những hiện tượng về tâm lý vật chất, hay luân lý đều có thể do một trong năm phân loại này cắt nghĩa. *Nghiệp* là một trong năm định lý phổ biến trên, và, cũng như mọi định lý tự nhiên khác, không cần một vị sáng lập ra định lý ấy.

Trong năm định lý này: định lý vật chất không có cơ quan, định lý vật chất có cơ quan, định lý của *danh thực* đều thuộc về vô ý thức ít hay nhiều. Định lý về tâm lý học cũng như vậy, nhưng nhiều khi có thể chịu ảnh hưởng của ý chí tự do chi phối. Định lý của *Nghiệp* cũng thuộc về vô ý-thức, nhưng vẫn có thể do ý-chí cương quyết của chúng ta định đoạt. Những định lý khác trong một phạm vi tương đối đều do những phương tiện máy móc kiểm soát.

. . .

NGHIỆP LÀ GÌ

Tiếng Ba lý Kamma (tiếng Phạm là Karma) theo danh tự có nghĩa là hành vi hay là hành động. Tất cả hành động cố ý của một sinh vật ở trên cõi đất, đều thuộc về thân, khẩu hay ý, đều gọi là *Nghiệp*. *Nhiệp* bao trùm mọi hành vi, lời nói hay ý nghĩ. Trong ý nghĩa rất ráo của *Nghiệp*, những ý muốn thiện hay ác đều thuộc về *Nghiệp*, những hành động vô tâm, vô ý thức, đều là những hành động không thuộc về *Nghiệp*, vì rằng những hành động trên thiếu sự quyết ý, không tác động thành *Nghiệp* được.

Đức Phật có nói: « *Này các Tỷ Kheo, ta nói rằng sự quyết ý là Nghiệp, vì rằng có sự quyết ý, con người mới dùng thân, miệng và ý mà tạo Nghiệp* ».

Mọi hành động quyết ý gọi là *Nghiệp*. Đây đề ngoài những hành động của các đức Phật và các A-la-Hán, vì rằng các vị này đã thoát ly ra ngoài sự Thiện Ác và đã diệt trừ cội gốc của *Nghiệp*.

« *Những mầm giống đã bị trừ sạch, các bậc này đã nhổ tận gốc rễ của Nghiệp.* » Đó là lời dạy của Kinh Ratana. Đây không có nghĩa là các đức Phật và các vị A-la-Hán đóng vai thụ động. Tất cả hành động không có mục đích tự lợi, và sự cố gắng lợi tha của các bậc này đều hướng đến con đường giải thoát, đem hạnh phúc cho muôn loài. Tất cả những nghiệp thông thường gọi là Thiện hay Tất đều không có sức mạnh tạo nghiệp đối với Chư Phật và chư vị A-la-Hán. Cũng như vàng ròng không còn có thể gạn lọc, các bậc Thánh Nhơn này không còn chất chứa những nghiệp nữa. Nhờ ở sự nhận thức chơn chánh mọi sự vật đúng với sự thật, các vị này đã chặt đứt sợi giây chuyền tự nhiên, nối liền Nhơn và Quả.

Trong sự giải thoát *Nghiệp báo*, ý chí là một phần tử rất hệ trọng. Tất cả ý nghiệp, khẩu nghiệp và thân nghiệp của chúng ta đều chịu sự kiểm soát và chi phối của ý chí hay là của tâm thức chúng ta trong từng trường hợp. « *Khi ý chí buông lung, thời các hành động về thân khẩu ý đều không được kiểm soát chặt chẽ, khi ý chí được kiểm soát chặt-chẽ, tất cả hành động cũng đều được kiểm soát chặt-chẽ* ».

« *Với ý thức, nhơn loại được hướng đi đúng đường; với ý thức, nhơn loại bị sa vào lăm lặc; và tất cả mọi người đều làm chủ lễ hoàn toàn ý thức của mình* ».

Chúng ta có thể tự hỏi, ý thức vô hình ấy có thể tác động thành những sự thay đổi quan trọng về ngoại cảnh hay không? Đây không có gì kỳ lạ và tuyệt diệu cả, nếu chúng ta biết rằng tất cả những máy móc tinh xảo kỳ diệu như bom nguyên tử có thể thay đổi triết đề đời sống của nhơn loại hiện tại, đều là kết quả trực tiếp của ý nghĩ do bộ óc

của các nhà đại khoa học phát minh. Sự tiêu diệt triệt để hoàn toàn của đời sống hiện tại có thể phát sinh do một ý nghĩ.

Nghiệp không có nghĩa phải là những hành động về quá khứ mà cũng bao trùm những hành vi hiện tại và quá khứ. Như vậy, theo một cách hiểu riêng, chúng ta là kết tinh của quá khứ và là viễn quả của hiện tại. Và lại, chúng ta cần phải hiểu thêm rằng chúng ta không phải hoàn toàn quyết định là kết tinh của quá khứ, cũng không phải hoàn toàn quyết định sẽ là viễn quả của hiện tại. Tóm lại, *Nghiệp* là một định lý của nhân và quả trong phạm vi luân lý đạo-đức.

Nghiệp (Kamma) và quả báo (Vipaka)

Hạnh Nghiệp là nhân, và Quả báo (Vipaka) là quả, là sự phân ứng của *Nghiệp*. Cũng như bóng theo hình, mọi hành động cố ý đều có kết quả tùy thuộc. *Nghiệp* nhân có thể so-sánh như một hạt của cây xoài; Trái xoài, quả của cây do hạt xoài sinh ra, cũng như quả báo (Vipaka). Những lá, những bông v.v. . . đối chiếu với những sự sai khác ở ngoài như sức khỏe, giàu sang, nghèo hèn v. v. . . và đều là những kết quả không thể tránh được (Vipakanissansa). Cũng như một hạt giống gieo trên một thửa đất phì nhiêu, sẽ đâm mọc kết trái mau hay chậm tùy theo bản chất riêng, các *Nghiệp* cũng đều phát sanh kết quả tất nhiên của nó, hoặc trong hiện tại hoặc ở tương lai.

Nghiệp là một định luật tự động trong phạm vi của nó, không cần sự can thiệp của một năng lực chỉ huy nào khác ở ngoài hay độc lập

Năng lực tạo thành kết quả tất nhiên của nó đều tiềm tàng trong *Nghiệp*; chính nhân tạo thành quả và quả giải-thích nhân.

Hạnh phúc hay đau khổ, những mục tiêu chung của nhân loại, đều là những kết quả tất nhiên của một vài hay của nhiều nguyên nhân. Theo một quan-diểm của Phật-tử, đó không phải là những phần thưởng hay những hình phạt do một quyền hành thống trị

siêu hình và toàn trí ban phạt cho một linh-hồn đã làm những điều thiện hay những điều ác. Những nhà thần giáo muốn giải thích mọi việc với đời sống hiện tại và đời sống vị lai, nhưng không hiểu biết về quá-khứ, có thể tin-tưởng ở một công lý trong một đời sau, và cho rằng hạnh phúc và đau khổ hiện tại chỉ là sự thưởng phạt của một bậc Thượng Đế toàn trí toàn năng đối với mỗi cá-nhân khi mới ra đời. Đạo Phật không công nhận một vị Thượng Đế tạo hóa và một linh hồn độc đoán bị sáng tạo, mà chỉ tin ở một định lý tự nhiên và ở công lý tự nhiên, định lý và công lý ấy chuyển biến theo một dòng chuyển biến không thay đổi và thường tại, độc lập và tự trị. Định lý ấy không một vị Chúa tể, một đức Phật, một người nào có thể ngăn cản được cả.

Định lý *Nghiệp* của đạo Phật không có những quan điểm định mệnh đáng buồn cười như : Ông sinh ra nghèo bởi vì *Nghiệp* của ông xấu, người kia được sống giàu sang vì *Nghiệp* của người ấy tốt. Hãy tự an phận trong đời sống hiện tại hèn mọn của mình, nhưng hãy làm điều lành để đời sau được giàu sang. Đức Phật với lòng Từ-Bi vô lượng của Ngài, không bao giờ dạy một thuyết về *Nghiệp* như vậy, để bênh vực người giàu, an ủi người nghèo, bằng cách hứa thưởng một hạnh phúc hư-huyễn trong một đời sống sẽ đến.

Lẽ dĩ nhiên chúng ta sống trong một hoàn cảnh do chúng ta tạo nên, nhưng nếu chúng ta khéo hướng dẫn mọi cố gắng, chúng ta có thể tạo một hoàn cảnh mới thuận tiện. Không riêng về cá nhân, cho đến đoàn thể cũng vậy, chúng ta có toàn quyền tạo một *Nghiệp* mới. *Nghiệp* ấy, một là sẽ làm ta sa ngã, hai là sẽ nâng cao đời sống của chúng ta ngay trong đời hiện tại.

Theo định lý *Nghiệp* trong đạo Phật, chúng ta không phải luôn luôn bị một định luật khắt khe chi phối, bởi vì *Nghiệp* không phải là số mệnh, không phải là một sự tiền định do một năng lực bí mật vô hình phán định bắt buộc chúng ta phải nhắm mắt tuân theo. Chính do sự hành động của tự thân phản ứng đến đời sống của chúng ta và như vậy chúng ta có thể tự thay đổi hoàn toàn dòng sống *Nghiệp* của chúng ta,

Mọi người có phải bắt buộc thấu lượng tất cả những kết quả đúng với năng lượng của *Nghiệp* nhân hay không ? Trong kinh Anguttara Nikaya, đức Phật đã trả lời rằng : « *Này các Tỷ kheo, nếu có người nói rằng một người bắt buộc thấu lượng những kết quả của Nghiệp nhân tác động, thì như vậy không bao giờ con người có thể giải thoát, và được gặp thời tiết thuận tiện để diệt trừ hoàn toàn sự đau khổ. Nhưng nếu nói rằng mọi người thấu luôn những kết quả đối xứng với Nghiệp nhân của mọi người, này các Tỷ kheo, như vậy có thể có một đời sống giải thoát và có những dịp thuận tiện để diệt trừ triệt để sự đau-khổ* »

Chúng ta không phải những người chủ cũng như không phải những người đầy tớ của *Nghiệp* chúng ta. Đối với một người rất độc ác, người ấy rất có thể trở thành một người đạo-đức nếu người ấy cố gắng và cương quyết sửa đổi tánh tình. Chúng ta luôn luôn thay đổi và sự đổi thay ấy toàn do những hành động của chúng ta. Chúng ta có thể, lúc nào được, hoán cải đời sống đến chỗ toàn thiện hay toàn ác, bởi vì « *trong tâm của mỗi mỗi chúng ta, đều ẩn chứa những mãnh vụn vô giá cũng như một kho vàng vô tận* ». Đối với một tội nhân trọng phạm, chúng ta không được xỉ mắng kết án, chúng ta phải thương hại người ấy, vì rất có thể, trong những đời sống tiền thân của chúng ta, chúng ta cũng lâm vào một tình trạng như kẻ tội nhân ấy. Chúng ta đã có thể thay đổi, thì kẻ tội nhân kia cũng có thể thay đổi, và nhiều khi thay đổi mau lẹ hơn chúng ta nhiều. Ai dám nói trước được một *Nghiệp* tốt đẹp nào (Kamma) đang ẩn chứa trong tự thân của mỗi chúng ta.

Nguyên nhân của NGHIỆP là gì ?

Cái gọi là « *Ngã* », một hóa hợp tinh thần và vật chất, lãnh thọ những cảm xúc trong và ngoài, phát sanh những cảm giác ; và vì sự mê-mờ tiềm tàng trong tự thân đối với thật tánh của sự vật, nên mới có những sự nhận thức chơn chánh hay sai lầm, do đó mới sanh những tác động tạo thành nhiều cảnh giới sai khác.

Chính bởi sự mê-mờ thật tánh của sự vật mà *Nghiệp* (Kamma) dồn dập lại. Đối với một người đã diệt trừ tận gốc lòng tham

muốn và giác ngộ sự vật đúng với thật tánh của nó, không một *Nghiệp* (Kamma) nào có thể phát sanh được. Như chư Phật và các vị Bồ-Tát, hành động của các bậc này không còn sức mạnh tác động, thành nghiệp bởi vì chư Phật và các vị Bồ-tát đã vượt hẳn ra ngoài phạm vi của Thiện và Ác.

Ai tác động thành NGHIỆP (*Kamma*)

Ai tác động thành *Nghiệp* ? Ai hưởng quả của *Nghiệp* ? Phải chăng là một sự tích tụ xung quanh một linh-hồn như Ấn Độ giáo đã nói, một linh-hồn (một phần của Bản Thể linh diệu) tự tác động thành *Nghiệp* cho tự nó ?

Đại Đức Bouddhagosa có viết trong quyển « Missudhi Regga » rằng:

« Không có ai tác động thành *Nghiệp*

« Không có ai hưởng quả của *Nghiệp*

« Chỉ có giòng nước của những phần tử hòa hợp trôi chảy »

Đúng theo nghĩa cứu cánh, một Phật-tử không thể tưởng tượng có một bản thể không bao giờ thay đổi, một sinh vật trong một hình thể loài Trời, hay vật. Những hình thể ấy chỉ là biểu thị tạm thời của *Nghiệp lực*. Danh từ « sinh vật » chỉ có giá trị một ước lệ mà thôi ; theo sát với định nghĩa của chữ « sinh vật » thời sinh vật chỉ là một hóa hợp vật gồm có hai phần vật chất và tinh thần.

Là Phật tử, chúng ta tin rằng không có người hành động ngoài sự hành động, không có người thọ lãnh ở một bên sự cảm xúc, không có người tri giác ở sau tâm thức.

Vậy ai tác động thành *Nghiệp* ; ai tự chứng nghiệm *Nghiệp* của mình ?

Sự quyết ý (*volition*) hay ý chí (*volonté*) chính tự nó là sức tác động. Sự cảm giác chính tự nó lãnh thọ những quả của hành động, Ngoài những trạng thái tâm thần ấy, không có một người nào gieo nhân và hái quả cả.

Ngài Đại Đức Bouddhagosa nói rằng : « Một khi một cây vừa mới kết trái ở một chỗ nào trên thân cây, người ta nói rằng : « Cây

sinh trái hay là cây đã có quả. Đối với ngũ uẩn (khandhas) được gọi tên là loài người hay chư thiên, khi một kết quả hạnh phúc hay đau khổ thành thực trong một giai đoạn nào, người ta nói rằng: *Vị trời hay con người kia được sung sướng hay đau khổ.*

Ở nơi đây, thật rõ ràng không có người gieo nhân và không có người hưởng quả ngoài sự quyết ý và sự cảm-giác.

Chúng ta đồng ý kiến với giáo sư Williams James khi ông trả lời câu hỏi: « Ai suy nghĩ »: « *Những ý nghĩ chính tự nó là những tư tưởng gia* ».

Nghiệp ở chỗ nào.

Nhà tinh thần phân tích học (psychanaliste) nói rằng *Nghiệp* ở trong trí óc; nhưng thông thường, toàn thể những ký ức, kể luôn tất cả những kinh nghiệm đã tăng trải qua, những ảnh hưởng trực tiếp, những cảm xúc thọ lãnh, đều ở ngoài sự ức lượng của con người và chỉ được biết một phần ít mà thôi. Tiềm thức không những chỉ ghi giữ những kinh nghiệm cá nhân, mà còn ghi giữ dấu vết của mọi khuynh hướng, mọi xúc động trong thời đại cồ sơ, nhưng khuynh hướng và xúc động này không phải đã tiêu diệt hẳn trong con người văn minh hiện tại như chúng ta thường ưa tưởng tượng, mà luôn luôn tiềm tàng hoạt động trong tiềm thức và có thể bật khởi với một sức mạnh vô cùng tận trong nhiều trường hợp không ngờ ».

Phật tử chúng ta cũng đồng với quan điểm trên, nhưng có đôi chút sai khác. *Nghiệp* không phải ở trong trí óc bởi vì không thể có một chỗ nào lãnh thọ, cũng không có một chỗ nào chứa đựng, trong cái cơ thể phiền phức và luôn luôn thay đổi của con người. Nhưng hệ thuộc với thân ngũ ấm (Pancakhandas) hay của giòng tâm thức, sẽ được phát hiện mọi kinh nghiệm của mỗi cá nhân từng trải, mọi ảnh hưởng của mỗi cá nhân thấm nập mọi cảm giác của mỗi cá nhân ảnh thọ, kinh-nghiệm ảnh hưởng và cảm giác ấy có thể là thiện, là ác v.v

Tóm lại, tất cả sức mạnh của *Nghiệp* đều tùy thuộc giòng năng lực luôn luôn sẵn sàng biểu hiện trong những hiện-tượng phức tạp, tùy theo từng trường hợp.

Vua Di Lan Đà hỏi Ngài Na-Tiên rằng : « Bạch Đại-Đức, *Nghiệp* ở chỗ nào ? Ngài Na Tiên trả lời : « *Đại Vương, Nghiệp không phải cắt giữ một chỗ nào trong cái tâm thức luôn luôn biến đổi, hay trong một bộ phận nào của thân-thể. Nhưng tùy thuộc tinh thần và vật chất, Nghiệp sẽ biểu hiện trong những trường hợp thích ứng, cũng như những trái xoài không thể nói là cắt chứa trong cây xoài, mà tùy thuộc cây xoài, những trái ấy sẽ phát sinh theo thời tiết thích ứng.*

Định lý của *Nghiệp* đem lại sự hy vọng, sự nhận thức ý-nghĩa trách nhiệm và sự can đảm tinh-thần cho một Phật tử. Một khi có sự bất ngờ xảy đến, hay khi bị những sự khó khăn gần như không thể vượt qua nổi, hay là gặp những sự thử thách không thể kham nhẫn, người Phật tử nghĩ rằng đó là kết quả của tất cả những hành động của mình ở thời quá khứ và trong khi nhờ lên những cây cỏ hoang dại, người Phật tử lại gieo những hạt giống tốt để thay thế vào, bởi vì tương lai nằm trong tay người Phật tử. Định lý của *Nghiệp* cho phép tự mình xây dựng đời sau của mình.

Người Phật tử hết sức tin-tưởng định lý của *Nghiệp*, sẽ không cầu xin ai để được giải thoát, mà tự tin ở chính mình để tự giải thoát, cho chính mình. Người Phật tử không cầu khẩn một vị siêu nình nào mà đặt lòng tin tưởng ở sức mạnh vô thượng của ý-chí, và luôn luôn làm việc cho sự ích lợi chung của toàn thể ; Lòng tin tưởng vững chắc trong định lý của *Nghiệp*, sách tấn sức hoạt động của người Phật tử, và làm sống dậy sự lạc quan, ; lòng tin tưởng ấy khuyến khích người Phật-tử không làm những điều gì có hại, làm tất cả những điều gì có ích lợi cho mọi người. Người Phật tử dần dần trở thành tốt đẹp, khoan hòa và luôn luôn nghĩ đến sự giải thoát cho mình và cho mọi người.

Dịch trong tập « La Pensée Bouddhique »

Số 7 bộ III (tháng 7 năm 1949)

KỶ NIỆM NGÀY PHẬT THÍCH CA XUẤT GIA

(8-2-A.L.)

THÍCH TRÍ-KHÔNG

Hôm nay là ngày mừng Tám tháng 2, ngày mà cách đây 2500 năm, Thái tử Tất Đạt Đa đã rời bỏ lầu ngọc, vợ đẹp, con yêu, cha già để tìm Chân lý. Người ra đi tràn ngập lòng thương không bờ-bến, để tìm phương cứu chữa cho chúng-sanh đang đắm chìm trong sanh tử, đem lại hạnh-phúc cho muôn loài, tìm ánh sáng để soi đường trong đêm trường kiếp trước. Ngài đã từ giả tất cả những hạnh-phúc bèo mây để đi tìm hạnh-phúc chân-thật cho chúng-sanh đang đau khổ.

Ngài ra đi là cả một cái gì thiêng-liêng nhấn mạnh ý nghĩa xa lìa trần-dục mới mong đạt được Đạo-Quả thanh tịnh, cả một nghị lực mạnh mẽ và sáng suốt, tiên phong dẫn Đạo cho chúng sanh sống trong tâm-tối khổ sở.

Ngài ra đi vì không muốn đóng khung mình trong Tô-Quốc nhỏ hẹp, mà phải mở rộng lòng thương yêu tất cả nhân loại chúng sanh. Ngài đã thâm cảm một cách rõ rệt là mọi loài đang sống trong lớp vô-minh, sống trong giả-dối đau khổ, được che đậy với những tấm «phông» màu trắng-lệ, những cuộc vui chốc lát; sống trong điên đảo mà không biết xoay về, hay nói cho rõ hơn là sống an-nhiên trong mọi tang-tóc, mọi tâm-tối. Ngài ra đi vì lòng Hy Sinh

cao cả và do lòng hy sinh ấy, ánh sáng Chân Lý đã chói ngời khắp nhân-gian, cứu bao khổ thống của kiếp sống đọa đày.

Giờ này đây, biết làm sao để ghi lại những cảm giác bi hùng của Người Xuất Thế ấy? làm sao đánh dấu được tâm trạng của vị Cứu Tinh? Nếu giữa trần gian này có những ngọn bút tài tình tuyệt diệu, chắc cũng không thể chép lại, diễn lại cử chỉ muôn vàn hy sinh ấy, vì nó vẫn đứng trong vòng hạn lượng của kiếp người.

Thời gian tuy có thể xóa nhòa những gì thân yêu nhất của cuộc đời, phai tàn biết bao hình thức đồ sộ, voi cạn biết mấy giòng lệ chia ly; nhưng ngày Xuất gia, ngày đi tìm chân lý của Ngài mãi mãi không phai trong lòng người đệ tử chân thành. Lòng người Phật tử rung lên vì sung sướng, vì bao cảm tưởng tế nhị đương dâng trào, vì có một đức Thầy đáng kính, vì đã đi đúng đường, không luống uổng một kiếp người.

Đề kỷ-niệm ngày xuất gia của đức Bôn Sư, hàng Phật Tử chúng ta không gì hơn là sống đúng tinh thần của nó: Sống nhiều với đức Hy Sinh. Hơn nữa, Đấng Đạo Sư của chúng ta trong cử chỉ ra đi để hướng tìm chân lý, đã nhắc nhủ nhiều cho ta biết hạnh phúc chân thật vĩnh viễn không thể tìm trong danh vọng, tiền tài.

Phật tử chúng ta phải sống mạnh, sống nhiều với lòng Vị Tha, với tinh thần vô úy, làm sáng rõ ý nghĩa Xuất Gia của Ngài, làm nổi bật giáo lý vô thượng của đức Phật, để tạo thành đời sống hoàn toàn hạnh phúc, đời sống bao trùm bởi lòng Từ Bi vô hạn.

VÔ TẬN

ĐỀ KỶ NIỆM NGÀY NHẬP NIẾT BÀN
CỦA ĐỨC BỒN SƯ (15-2-AL)

THÍCH THIÊN-ÂN

Cúng ngày này, cách đây 2513 năm, bên rừng TA LA, dưới cây Song-Thọ, Đức Thế-Tôn thị tịch Niết-Bàn.

Cúng từ đây, bên cạnh đàn con Pháp Tử, còn đâu sự điu dắc nâng đỡ của đấng Mẹ hiền; bên những bước chân đôn dập rộn rịp của đoàn người truyền giáo, còn đâu bóng dáng khoan thai từ-tốn của người Anh dân đạo; và, bên tai của hàng triệu tín đồ khát khao diệu đạo, không còn vang dội lời pháp-nhũ, xuất sanh từ kìm khâu của đấng Tôn Dung, người Cha lành muôn thuở và muôn phương

Ngài đã xa lìa đàn con măng sữa, đoàn người lạc lõng, đê hường thú vui bất diệt của cảnh giới Niết-Bàn huy hoàng mà an tịnh rồi chăng? Và phải chăng chúng con là những con chim non thiếu cánh, an phận lẻ loi nơi tổ lạnh, bởi thiếu sự đầm ấm của tình thương, trong khi chim Mẹ đang thành thoi, nhón nhơ với thú mây trời cao rộng?... Không, muôn lần không! Chúng con không dám khuôn khổ cuộc đời tối diệu của Ngài, trong những ý tưởng đen tối, những hành động tầm thường như thế. Vì:

a/ **PHÁP THÂN THƯỜNG TRÚ**: Con vẫn biết muôn ngàn sự vật trong thế gian hữu hạn này xê dịch biến đổi. Đây là định luật bất di dịch của đời. Chúng con có thể hình dung trạng thái vô thường ấy cho một giòng nước chảy xuôi không bao giờ thôi nghỉ... Nhưng trong sự chuyển biến vô cùng ấy, có gì thay đổi trên Pháp-Thê Chân Thường của muôn vật?... Mây, sương, băng, tuyết, ngàn vạn hình trạng, nhưng có gì thay đổi trên tánh ướt của nước đâu! Cái tánh cách chân thật bất hoại ấy, chúng con mệnh danh là thường trú, và người nào thề nhập nhập nhàng vào tánh ấy tức là Chân Như thân, hay Pháp Thân thường trú. Ngài đã tương xứng với hai danh từ ấy, cho nên chúng con không thề nào tin rằng, Ngài đã diệt độ, một khi sự vật đang còn và Pháp giới tánh bất hoại.

b/ **TỪ BI QUẢNG ĐẠI**: Nói đến từ-bi chúng con không thề đóng khung trong một tình cảm hẹp hòi và hạn cuộc, mà cũng không thề nào so sánh được với lòng bác ái thông thường của thế gian. Từ-Bi phải là một tình thương cao rộng và hồn nhiên, lan tràn cả không gian vô cùng và thời gian vô tận, mà đã diễn tả trong một câu gọn ghẽ: « Phật thương chúng sanh như Mẹ thương con » cho nên chúng con không thề nào đem sự cùng khắp của hư-không để đánh giá lòng Từ-Bi không giới hạn này được! Tuy thế, nhưng cái lượng của hư-không cũng đã vô cùng với thế gian hữu hạn này rồi, vì sự vật không thề tồn tại ngoài hư-không, cũng như Đức Phật không thề thành tựu một khi nhiệt lực của Từ Bi giảm thấp. Nhưng lòng Từ Bi không bao giờ kiến lập trên cảnh giới Niết Bàn, trái lại, chỉ xây dựng cơ đồ nơi chúng sanh đau khổ. Trăng ăn, trăng hiện, trăng khuyết, trăng tròn, nhưng có gì thêm, bớt, đầy, vơi, trên chân thề của trăng

đầu Lòng Từ-Bi quảng đại của Phật cũng như thế ; cho nên chúng con tin tưởng Ngài chưa nhập Niết bàn, vì lẽ chúng sanh chưa hoàn toàn giác ngộ.

c/MỤC ĐÍCH ĐỘ SANH : Đây là mục đích duy nhất và cuối cùng trong công cuộc truyền giáo của Đức Phật. Ngài ra đời với danh nghĩa ĐỘ SANH, nghĩa là đem ánh đạo vàng đánh tan màn Vô Minh hắc ám, đồng thời khai thị cho chúng sanh ngộ nhập vào tri kiến của Phật, bằng cách cứu thoát mọi loài ra khỏi cảnh lầm than sâu hận. Đức Phật xuất hiện trong thế gian này là một vấn đề quan trọng bậc nhất, cũng chỉ vì ý nghĩa duy nhất ấy ; với một hoài bão tối cao và hy hữu như thế, chúng con đâu dám bảo Ngài đã Diệt ĐỘ một khi Ma Vương Dục Vọng đang hoành hành, và biển nước mắt của chúng sanh chưa vơi cạn. Đây nữa lời dạy cao quý của Đức Tối Thắng : **GIỚI LUẬT CÒN TỨC LÀ ĐẠO TA CÒN ? VÀ TA LUÔN LUÔN GẮN GỬI BÊN CẠNH CÁC NGƯỜI** ». Đây thật là một nguồn suối mát dịu, vỗ về an ủi những tâm hồn khắc khoải vì cảm thấy mình ra đời cách Phật nhập diệt quá lâu xa !

Kính lạy Ngài ! nếu không sai lầm, thì con tưởng sự thị tịch của Ngài chẳng qua là một phương tiện trong muôn vàn phương tiện để thực hiện mục đích độ sanh mà thôi. Chẳng qua vì muốn con mau biết đi mà người Mẹ phải buông tay trong lúc đứa trẻ mới chập chững từng bước một và sự Nhập-diệt của ngài, con — một trong đàn con bất hạnh — cũng có cảm tưởng tương tự như thế, và chính đấy cũng là nguồn hy vọng chứa chan của đoàn hậu tấn chúng con.

Hôm nay kỷ niệm ngày nhập Niết-bàn, chính là đề cho Phật tử chúng con hồi tưởng lại sự thành công vĩ đại của Ngài, nghĩa là kỷ niệm sự thắng lợi và toàn vẹn ba đức tánh trên. Nhưng đây là đứng trên quan điểm lý giải, còn về cảm tình thì cũng ngày này, cách đây 2513 năm, chính là một ngày mở đầu những trang bi sử, những giờ chia ly và những phút vĩnh biệt!...

Kính lạy Ngài! Còn làm sao quên được tiếng lòng thồn thức của những con tim đập mạnh, hòa nhịp trong một nhạc điệu vô cùng bi ai và áo nảo của thời đại quá khứ; Con làm sao xóa nhòa được những hình ảnh vô vàng, đầm lệ của hàng ngàn tin đồ lúc tiễn đưa Đấng Giáo Chủ trong giờ thị tịch! Giờ đây quỳ dưới đài sen nguy nga và tráng lệ của Ngài, Con thấy lòng rung cảm nhẹ nhàng, nhưng không khỏi thoáng qua vài vòn mây buồn, bởi sự lưu-luyến băng-khuảng do cảm thông với những viễn tượng xa xăm ấy.

« Con ra đời quá chậm, Ngài Nhập-diệt đã lâu rồi! » Con tiếc không được trực tiếp quỳ dưới gót chân son của Ngài, đề dâng lên những lời thú tội và cũng không được rưới những giọt lệ tri-ân trên kim thể Ngài, người đã mở đầu một kỷ-nguyên sáng ngời cho nhân loại! Nhưng con cũng không đến nỗi quá thất vọng, vì ứng thân tuy diệt độ mà Pháp thân vẫn trường tồn, và lòng Từ-Bi của Phật vẫn bất diệt. Hơn nữa, nếu so sánh với những chúng sanh bất hạnh khác, thì chúng con may mắn hơn nhiều, vì tuy còn vướng nặng mê mờ và tội lỗi, nhưng chúng con còn được vĩnh-phúc tắm gội trong ánh hào quang huy

hoàng của chư Phật, và bên tai còn được nghe Pháp âm vi diệu của đấng Năng-Nhơn!.....

Ấn đức sâu dày ấy, con biết lấy gì đề đền đáp? Dâng hoa, thiêu hương, đốt đèn, ca vịnh và tán thán chẳng? — Làm như thế, chúng con còn thấy bất mãn. Hôm nay kỷ-niệm ngày tịch diệt của Ngài, trước ánh hương trầm nhẹ quyện, Con xin quỳ gối kính lễ và dâng lên Ngài nén tâm hương, kết tinh bởi những gì tinh khiết cao đẹp của lòng con, đề gọi chút chân thành tri-ân đối với đấng Từ-Bi CÚU-THẾ. Cũng trong giờ phút thiêng liêng này, con liên tưởng đến đàn con Phật, cùng khắp cả tám hướng mười phương, đang chung sức hợp lòng, kính cầu quỳ dưới đài sen trang nghiêm thanh tịnh để tưởng nhớ Tôn-Dung và hướng niệm đến cuộc đời cao đẹp của Ngài,

Ai nhìn đến sự đoàn viên không chọn lọc của những người Phật tử ở mọi giai tầng, cùng chung vui vầy sum họp trong một tổ ấm Phật Đà, dưới ánh hào quang diệu đạo hôm nay, cũng phải chạnh lòng tưởng nhớ đến cảnh tượng tung bừng tấp nập nơi các tinh xá Kỳ-Đà, Trúc Lâm... lúc Phật còn tại thế; Và khi nhìn đến những sự bụi ngùi, cảm động hiện rõ trên nét mặt trầm tư của đoàn Phật Tử hậu tiến này, làm sao chúng ta khỏi ngậm ngùi liên tưởng đến cái không khí lạnh lùng, đậm màu tang thương, khi tiền đấng đức Thế Tôn ở thời đại quá vàng!...

Phải chăng Ngài thị tịch với mục-dịch thấu ánh sáng chói chan của Mặt Trời về bản xứ, để nhường lại cho ánh sáng lẻ loi yếu ớt của muôn ngàn Ngôi Sao xuất hiện? Nếu thế, thì hôm nay kỷ niệm ngày nhập Niết

Bàn của Ngài, Phật-Tử chúng con — ở dưới mọi chân trời — mặc dù cách trở về không gian và gặp nhiều trở lực bởi thời cuộc chi phối, chúng con cũng nguyện đoàn viên dưới phương châm: « CỨU KHỔ ĐỘ SANH » của Ngài, để giải thoát cho Nhân loại nạn tương tàn đau khổ; Đồng thời chúng con cũng nguyện kết hợp hàng triệu ngọn đèn, bởi hằng sa chúng sanh, góp thành một ánh sáng tuyệt vời vô tận, nối lại đèn Giác trong đêm dày mờ mịt, mà ngày xưa Ngài đã tận tâm khơi ngòi, và chỉ có như thế, chúng con mới cảm niệm được ý-nghĩa cao thượng và đậm đà của ngày kỷ-niệm này mà thôi

LỜI PHẬT DẠY TRƯỚC KHI NHẬP NIẾT BÀN

« Sau khi ta diệt độ, các người cần phải tôn trọng cung kính Ba La Đề mộc xoa, xem giới như người mù được thấy, như người nghèo được châu báu. Các người nên biết Giới thiết là bậc Đại Sư của các người, cũng giống như Tôi ở đời, không có sai-khác »

Kinh DI GIÁO

MỘT QUAN-NIỆM VỀ TÔN-GIÁO

của Romain ROLLAND

KAO-TÂM-NGUYỄN lược dịch

L.T.S. — Romain ROLLAND là một Đại văn hào trữ danh của Pháp Quốc, có chân trong Hàn Lâm viện Pháp. Trong bài lược dịch dưới đây, các bạn sẽ thấy một quan niệm hết sức rộng rãi và tiến bộ về Tôn giáo; mục đích không ngoài xiển dương chân lý, giảm chân những kẻ quá trốn, thúc hối những người chậm bước phải lanh chân, hầu mong tạo một bầu không khí hiểu biết lẫn nhau để tìm một địa hạt thỏa thuận, trong ấy mọi người có thể phát triển khả năng, phụng sự hạnh phúc chân chính của nhân loại mà không vướng phải cái nạn danh từ ngôn tướng làm cách ngăn.

Trong suốt mười năm qua, tôi phát nguyện tự hiến đời mình để phụng sự một công cuộc là làm cho 2 khối tinh thần Đông và Tây gặp nhau, con người nọ hiểu được con người kia và do đó biết thương yêu và kính phục lẫn nhau. Để đạt sứ mệnh hòa giải ấy, tôi muốn nghiên cứu về hai phương diện của 1 tâm linh: lý trí và đức tin mà người ta thường tưởng lầm là mỗi phương diện chỉ đại diện riêng cho một khối. Đúng hơn là phải nói: nghiên cứu về những hình thức sai khác của lý trí và đức tin, vì cả 2 hầu như được phân chia đồng đều bên nọ cũng như bên kia. Đáng tiếc là người ta chưa quan niệm được như thế thôi!

Ngày nay, một cuộc ly dị vô lý đã xảy ra giữa 2 mảng không thể phân chia của tâm hồn; người ta quả quyết rằng chúng xung khắc nhau. Sự thật, có thù nghịch xung khắc nhau chăng, chỉ là tầm hiểu biết hẹp hòi nông cạn chung của họ mà thôi!

Một đảng là hạng người, núp dưới hình thức tôn giáo tự đóng khung giam hãm mình trong 4 bức tường nhà thờ; rồi không những cương quyết từ chối không chịu bước ra (đó là quyền riêng của họ!), mà lại còn bướng bỉnh, nếu trường hợp cho phép, phủ nhận quyền tồn tại đương nhiên của những gì ở ngoài trời. Đảng khác là phát ngôn nhân của thứ lý trí thả lỏng tay cương; hạng này phần đông không có một mảy may ý thức tôn giáo (lại cũng là quyền của họ nữa) tự cho mình có phận sự đánh đổ cho bằng được quyền tín ngưỡng của kẻ kia. Trong công việc ấy, họ xuất quân một cách máy móc, hăm hở đã phá một cách táo lao, tỏ ra không hiểu biết thấu đáo cái đích họ nhắm. Đối với tôn giáo mà chỉ căn cứ trên ít pho kinh sử truyền tụng mà thời gian đã làm sai mò, lập luận cách này thế khác, để đã kích phỏng có ích gì? Công việc đó cũng vô ý nghĩa, tương đương như khi giải thích động tác tâm lý bên trong của con người mà chỉ căn cứ trên sự giải phẫu cơ thể. Sự làm lẩn tránh cũng hão huyền hư ảo như xưa kia, các tôn giáo đòi thái cổ làm lẩn các sức mạnh về thần thông màu nhiệm với những danh từ dùng để chỉ các sức mạnh ấy.

Nếu ta muốn biết, muốn xét đoán Lay muốn đã kích một hay nhiều tôn giáo, điều kiện đầu tiên phải là thực hành để thí nghiệm nó nơi ta đã. Ngay đến những ai, tuy là đã có « làm nghề thầy tu » cũng không có đủ thẩm quyền để bàn đến nó; vì nếu họ thành thật với họ, họ phải thú nhận rằng ý thức tôn giáo trong thực nghiệm và nghề làm thầy tu là hai cái khác nhau. Hiếm gì hạng thầy tu rất đáng được ta trọng vọng mà chỉ là con chiên biết vâng lời suông hay hơn chút nữa, là sau khi có chịu khó lý luận một cách phòng xa và lười nhác để được yên lòng. Họ không bao giờ thấy cần phải làm cái thí nghiệm tôn giáo để chứng nghiệm. Hoặc giả, tự thấy không đủ sức, họ cố tránh đi cho đỡ nhọc. Trong khi ấy, nhiều người khác vô tôn giáo hay là tưởng rằng mình đã thoát ra khỏi mọi ràng buộc

của tôn giáo, sống buông cương tầm mình trong một trạng thái tâm hồn siêu lý trí; rồi tùy từng trạng thái một mà tự lựa chọn cho mình một trong các nhân hiệu sau đây: xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa, nhân loại chủ nghĩa, quốc gia chủ nghĩa cho đến thuần lý chủ nghĩa. Không phải đối tượng của tư duy xác định được chỗ xuất xứ của nó và giúp ta quyết đoán được nó có đưa đến tôn giáo hay không. Điều cốt yếu là tư tưởng ấy có thiện không? Nếu một tư tưởng hướng một cách mạnh bạo cương quyết đến con đường tìm chân lý, thành thật hoàn toàn và sẵn sàng chịu đựng mọi nỗi thử thách hy sinh, tôi gọi tư tưởng ấy là ĐẠO, vì nó tiềm tàng hàm xúc một đức tin, biểu lộ một sự cố gắng của con người hướng về một mục đích. Nó cao hơn giá trị nhân sinh cá nhân, đôi khi cao quý hơn sự sống còn của nhân loại hiện sống và ngay cả đến nhân loại cở kim nữa. Cho đến hoài nghi chủ nghĩa, khi mà nó là bửu bối tiến thủ của những tâm hồn tráng kiện và thành thật đến tận kẻ tóc chân lông, khi mà nó là tiếng-nói của một sức mạnh quật khởi chứ không phải của sự bất lực hèn dòn đọa lạc, tư tưởng hoài nghi ấy cũng được dự vào hàng ngũ ĐỘI QUÂN TIỀN PHONG TÔN GIÁO.

Trái lại không có quyền mang màu sắc ấy, hàng nghìn tin đồ và nhà thờ, bất cứ thầy tu hay người ngoài, không tin tưởng nơi mình mà chỉ ỷ lại sức người, suốt đời la liệt trong chuồng bò quen thuộc, nằm mẹp trước máng cỏ ôi để chực cầu lấy miếng ăn để dãi dãi nhai đi nhai lại hàng nghìn lần.

Tôi không tin có ngày tận thế. Tôi không tin ở một Đấng Thượng Đế bằng da bằng thịt. Lại càng không tin hơn nữa là có một Đấng Thượng Đế xuất hiện chỉ vì mục đích cứu thế. Tôi tin rằng Thượng Đế chỉ là cái gì gì trong mỗi người, trong toàn thể nhân loại và vũ trụ, nó cứ sầm sùi nầy nớ mãi mãi và trong ấy buồn vui lẫn lộn, và xen lẫn với vui buồn, mọi hình thức trạng thái khác của sự sống

tiếp diễn bất tuyệt. Sáng tạo có luôn luôn trong mỗi chốc lát, Tôn giáo không bao giờ là một tác phẩm đã hoàn thành. Nó là hành động và ý chí tạo tác không ngừng. Nó là một nước suối phun chứ không bao giờ là hồ động.

Quê tôi là một vùng nhiều sông. Sông nào tôi cũng yêu mến như đã mến yêu các sinh vật; qua chúng nó, tôi hiểu được tổ tiên tôi. Nhưng trong tất cả sông ngòi, con sông thiêng liêng nhất là con sông nước nhĩ: nước thường xuyên trào ra từ các mạch đất kẽ đá. Chính đó là sức mạnh đầu tiên mà tôi gọi là Đạo. Nó là nguyên nhân chung của mọi nghệ thuật, hành động, khoa học, tôn giáo. Mọi giọng sông chảy xiết từ nguồn thăm thẳm ấy trùm khắp cả đại dương con người, làm hoàn thành giá trị cao cả của nó. Rồi theo luật tuần hoàn dĩ nhiên cũng như nước từ bề bực lên boi để tụ lại thành mây, nước mưa rơi xuống tiếp bồi lại cho các sông ngòi cứ chảy mãi, cuộc sanh hóa hóa sanh cứ tiếp diễn không ngừng. Các cuộc sáng tạo luôn luôn được đổi mới vẫn cứ luôn luôn tiếp nối. Và từ suối đến bề cả, rồi từ bề cả trở về suối, đầu đầu cũng một NĂNG LỰC ấy, một TÂM LINH ấy, vô thi vô chung. Tôi thấy kệ cho những tâm linh ấy là Đấng Thượng Đế (và Thượng Đế nào mới được chứ?) hay là Sức Mạnh (mà sức mạnh gì?). Tôi cũng thấy kệ, nếu người ta bảo đó là vật chất (mà chất gì? những năng lực tác động của tinh thần cũng là vật chất sao?). Toàn là danh từ, danh từ ráo cả! Bản thể vũ trụ là Thuần Nhất; nó không trừu tượng như có người lầm tưởng mà lại vô cùng linh động. Chính nó tôi tôn thờ tin tưởng như các bực đại tín đồ và những kẻ đại ngu si tin tưởng tôn thờ.

THANH-TĨNH

Thân mến tặng Nguyễn-Tin

Cớ vì sao chau mày, xao nhớn lức,
 Sóng u hoài sôi nổi khắp trong ta ?
 Cớ vào đâu cõi người thành thức giục,
 Mất thái bình thường trụ, tịnh hương hoa ?

Dấu địa hạt này luôn là địa hạt
 Thệt hoang vu như sa mạc mệnh mỏng
 Mà phàm sắc thiêng liêng nào đậm bạc
 Thì tin chi thất lạc giữa đời hồng !

Niềm cay nghiệt, mê lăm rồi phải hết,
 Ý thêm tàn, hư vọng dấu triển miên
 Cũng tàn tạ, tiêu mòn không dấu vết,
 Nhưng hồn hùng vẫn giữ ánh hoa niên !

Ta nhận được lòng ta, thôi đủ lắm,
 Không theo ai tuy chẳng khác hơn ai,
 Giòng thiện mỹ chỉ là giòng thẳng dăm,
 Chẳng vì ai trách móc, giọt vẫn dài !

Chi đâu nữa, mắt là đôi biên dậu,
 Tai, rừng thu không gió hát chim than,
 Đây, ảnh hưởng buồn vui người không chịu,
 Dờ hay chi khi đàn lặng tơ đàn ?

* .

Sao ta thế ? Là vì ta đã thế
 Từ muôn xưa ta vẫn có bao nhiêu,
 Như bấy nhiêu từ vô vàn thế hệ
 Vũ trụ kia đã giảng với ta nhiều !

TONG-ANH-NGHỊ

(trích tập thơ Phôi)

DIỄN - VĂN

do Thầy Chánh - Hội - Trường Tông - Trì - Sự
Hội Việt - Nam Phật - Học

**Đọc trong ngày Kỷ-Niệm Đệ-Thập-Bát Chu-Niên
của Hội Việt-Nam Phật-Học (mồng 8-2-2513)**

Kính Bạch

Quý ngài Chứng Minh Đạo Sư, Liệt Vị Tôn Túc Sơn Môn
Tăng Già.

Thưa quý Vị Thiện Trí Thức.

Thưa Liệt Vị Đạo Hữu Hội Việt Nam Phật Học.

Chúng tôi rất vinh dự được cung tiếp quý Ngài, quý vị hoan
hỷ quang lâm chứng kiến buổi lễ Kỷ Niệm Đệ Thập Bát Chu Niên
của Hội Việt Nam Phật Học hôm nay, mà sự hiện diện cao quý
của quý Ngài, quý Vị đã làm cho tôn-nghiêm, trang-trọng.

Chúng tôi xin thay mặt toàn thể Hội hữu kính lời cảm tạ.

Cũng như ở đây, trong giờ phút thuận-thành này, khắp 17
Tỉnh Hội, 30 Chi Hội và ngót nghìn Khuôn Tịnh Độ của Hội Phật
học trong cõi Việt Nam, trước Đài Quang Minh Phật Tò, đồng đều
trong một niệm, lễ Kỷ Niệm Đệ Thập Bát Chu Niên của Hội chúng
tôi đang được cử hành.

Và cái lịch trình vẻ vang cũng như cái tôn chỉ đẹp đẽ của
Hội, hôm nay lại có dịp làm tiếng Hồng Chung khua lên vang
động trong muôn vạn lòng Phật tử, để vui mừng đánh dấu 18 năm
qua, cùng một dịp với ngày Vía Xuất Gia của Phật.

Cách đây trên hai nghìn năm, một Vị Hoàng Tử đã xứng với
lòng thương vô hạn, mạnh dạn từ giã những kho báu bèo mây,
hướng về ánh sáng của các vị tinh tú, cương quyết ra đi để tìm

Chọn lý cho nhân loại đau thương. Người xuất gia để thành công với Đạo Vô Thượng đàng phồ độ khắp Trần Gian.

Cách đây 18 năm, 5 Vị Trưởng Lão Hòa Thượng và 17 vị Cư Sĩ giữa đất Thần Kinh, không muốn cho đồng bào mình mê mờ vùi dập trong văn minh vật chất, bèn liên hiệp nhau lại, đứng dậy lập một Hội tu và học theo đạo Phật, tức là Hội Việt Nam Phật Học chúng tôi bây giờ.

Chính nhờ Ngài Hòa Thượng Thập Tháp đã khai sáng cho quý vị nói trên trong việc tham học Phật Giáo trước ngày thành lập Hội. Danh sách của các vị sáng lập ấy đã đăng rõ trong bản Điều Lệ Quy Tắc của Hội năm 1932.

Mục đích của Hội là truyền bá Phật Pháp một cách chính chánh, cải tạo nhơn tâm phong tục cho hợp với trào lưu tiến hóa và cổ phát huy cái tinh thần Phật Giáo trong việc kiến thiết của một Xã Hội ngày mai.

Lúc thanh bình cũng như trong thời khói lửa, lối tổ chức của Hội khi nào cũng duy nhất với hệ thống và kỷ luật rõ ràng, mà Phật sự tiến hành vẫn bình thường, phát triển trong cái tinh thần bình đẳng, đại đồng của Đạo.

Nhằm vào đích lợi tha, và muốn có đủ phương tiện dẫn dắt những kẻ hậu lai vào đường chánh tín, một Trường Tăng Học của Hội đã được lập ra năm 1935, lo đào tạo Tăng tài, phổ thác dưới sự dắt dìu dẫn dắt của Thầy Đốc Giáo Trí Độ, để tiếp nối công hạnh của hai vị Đại Đức mà cái gương sáng và kỷ niệm đầy kính mến tiếc thương không bao giờ mờ phai trong khắp hàng Hội hữu chúng ta.

Đó là Ngài Giác Tiên và Thầy Mật Khế.

Cho đến năm 1945, vì tình thế bất thường của thời cuộc, lớp Tăng tài xứng đáng phải tản mác cùng Trung, Nam, Bắc, và dấu cho bởi họa chiến tranh mà sự mất cội phải có, ở nơi chân trời nào, những vị Học Tăng của Hội nói trên trong công việc hồng pháp, vẫn nhận lấy trách nhiệm nặng nề là dịch Kinh, giảng Pháp, mở lớp dạy Tăng đồ, tự mình mở lối, khai đường cho các hàng tín đồ phát lòng chánh tín và thẳng bước theo con đường giải thoát của Chư Phật.

Sau đoàn Phật Học Đức Dục gồm có những Thanh Niên trí thức, tổ chức từ năm 1941, Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Hóa Phổ hoạt động theo một chương trình giáo dục thích hợp với Thiếu Niên, Thiếu Nữ hiện thời.

Căn cứ trên giáo lý của Đạo Phật, Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Hóa Phổ Trung Ương kỳ vọng xây dựng cho Thiếu Niên Phật tử toàn quốc một nền giáo dục chung, và với phương pháp giáo dục ấy, đã được đồng bào khắp nước đề ý.

Là cơ quan hoàng pháp của Hội Việt Nam Phật Học ra đời từ năm 1933, Viên Âm Nguyệt San tục bản, vẫn là ánh đèn Trí Huệ, lửa đuốc Quang Minh của Chư Phật, cốt đem giáo pháp vô thượng của Như Lai truyền bá khắp nơi, để cho ai nấy đều hiểu Phật Pháp, để rõ lý đồng một bản thể chơn tâm thường trú, cải thiện đời sống của mọi người, một hạnh phúc chung dưới bóng đấng Đại Từ, Đại Giác. Đó là một lợi khí về Văn Hóa đạo Phật được khắp nước tán dương, cũng như những kinh, sách khác của Hội xuất bản được người người ca ngợi.

Thưa quý Hội Hữu,

Nếu trong giờ phút này tại các Chùa Hội Quán cũng như trong các Giảng Đường của các Tỉnh Hội và Chi Hội, lễ Đệ Thập Bát Chu Niên của Hội đang được cử hành trang nghiêm trong thể, thì chúng ta nầy cùng nhau hướng niệm đến Liệt Vị Tăng Già và Cư Sĩ chỉ biết lấy Phật Pháp làm chuẩn đích, đã chung vai đấu cật lại với nhau, đoàn kết nhau vì Phước, Huệ, đã phấn đấu với mọi trở lực khó khăn, không chuyên lay trong muôn vàn thử thách, để sáng lập lấy một cơ đồ làm phương tiện cho chúng ta tu học.

Công đức cao vời của các vị ấy làm cho chúng ta luôn luôn phải nghiêng mình thành kính, và như nhắc nhở luôn luôn chúng ta phải có bổn phận đảm đương, thành tựu những công việc lợi sanh đang chờ đợi giữa cuộc đời.

Đối với những người đạo hạnh, công năng ấy, giờ phút này, xin quý Ngài và Liệt vị Đạo Hữu hãy tịnh tâm giây lát

và đồng niệm Phật mà truy niệm Giác Linh và Hương Hồn của các người quá cố.

Từ trước đến nay, nếu trong các tầng lớp Xã Hội, khắp hàng Hội Hữu chúng ta đều biết tu tiến không ngừng, đã thực hiện được nhiều kết quả trong công việc giúp mình và giúp người với những hình thức Lễ nghi, Cứu tế hay Giáo dục mà không dựa lên thân thế uy quyền nào là vì chúng ta biết trung thành, biết hành động đúng theo tôn chỉ của Hội.

Đồng tâm, đồng đức và như hàng triệu làn sóng Đại-Dương, chúng ta thay phiên nhau, tiếp nối nhau bành trướng, khuếch trương tổ chức của Hội trên Đất Nước thân yêu.

Chúng ta cũng nên lấy làm vinh dự, có một đoàn thể đạo đức như Hội chúng ta, thành lập ra không đợi đến ngày mà Phật Giáo đang được thịnh hành trong thế giới như hiện giờ, là vì ở Âu Châu, Mỹ Châu hay ở Á Đông, các Dân Tộc đã bắt đầu chán ghét cái văn minh vật chất suy đồi, phá hoại tinh thần của Nhân Loại trong đời sống bất công tham lam, tàn ác mà quy hướng về ngôi sao Từ Bi muôn thời, muôn chốn đấng Ngự Tòa Đức Bồn Sư THÍCH CA MÃU NI, đấng Từ Phụ của muôn loài.

Hiện nay chúng ta cũng như tất cả nhân loại, đang ở vào một tình cảnh lắm than đau khổ, chính vì chúng ta còn chất chứa trong tâm những sự mê lầm ích kỷ, độc ác tham tàn, nhận giả làm chơn, bảo tà hư cho là chánh đáng. Nói một cách khác là chính vì chúng ta chưa thiết thiết một lòng tu học theo lời Phật dạy. Giai đoạn này đây chính là lúc hàng Phật tử chúng ta càng phải siêng năng học Phật, càng nêu cao gương sáng từ bi và trí huệ của Phật để cứu độ cho mình và nâng đỡ mọi tâm hồn đau khổ. Nếu cao gương sáng Từ Bi là y theo phương pháp của Phật chỉ bày mà gọt rửa, rèn luyện tánh tình, không còn lưu lại một mầm mống độc ác tham tàn nào, từ một lời nói đến một việc làm đều chơn thật, từ hòa, cốt lợi cho toàn thể chứ không xen vào những mưu mô lợi mình hại vật. Nếu cao gương sáng Trí Huệ tất phải quan sát nhận chân lẽ vô thường châu biến của sự vật, khổ vui đều là kết quả tiếp nối theo tiền nhân chứ không cho đó làm quan trọng mà thói bỏ hạnh lợi tha, từ chối

bồn phận thiêng liêng của con người là loài khôn ngoan đạo đức hơn cả vạn vật, không lấy đó làm bi quan mà từ chối bồn phận cao quý của người Phật tử là người đã thấu rõ hơn ai cả cái đức tánh Trí Huệ, Từ Bi của Chư Phật.

Thưa quý Hội Hữu,

Như chúng ta nhận thấy Đức Giáo Chủ của chúng ta là một hình ảnh hoạt động trên nền tảng Từ Bi Cứu Thế

Là đệ tử của Ngài, chúng ta cũng phải là những người noi theo gương Từ-Bi Cứu-Thế ấy mà hoạt động dễ san bằng lấp cạn những núi sâu biển lệ đang phò bày ngang trái giữa cuộc đời, vì đối với người Phật tử, thân thể, phú quý có ra gì một khi đã rõ lý vô ngã, vô thường, vô chúng sanh, vô thọ giả, một khi đã un đúc được cái tinh thần hùng dũng vô biên không sức mạnh nào chuyền lay xúc động, đâu là sức mạnh của Vũ Trụ.

Bao giờ cũng như bao giờ, một lòng Từ Bi chẳng tính toán, so đo mà không hề thối nản, một trí Trí Huệ mạnh mẽ không lúc nào rơi, một ý chí nhẫn nại, vững chắc không lúc nào rời rạc, vừa tự tạ vừa yên vui, toàn thể Hội Hữu chúng ta, lớp nọ dồn lớp kia, y theo giáo điều của Phật, nhằm theo mục đích của Hội, hãy đương đầu, hãy đối phó, hãy vượt qua thử thách, chương ngại của đời, để cùng nhau hoàn thành đại nguyện chung là : « Lợi lạc hữu tình » để hữu ích cho đời.

Được như vậy thì mỗi lần cử hành lễ Kỷ Niệm Ngày Thành Lập Hội chúng ta là mỗi lần chúng ta có dịp mừng cái lịch trình vẻ vang của Hội tiến hóa thêm lên, lên mãi, đồng thời chúng ta cũng báo đáp được một phần nào công ơn của Phật và mới gọi là thiết thực đáp đền công đức của những người tiền bối đã đặt tin tưởng vào chúng ta trong công việc tiếp tục chấn hưng Phật Giáo ở xứ này với một ngày mai tươi sáng, để xứng đáng với toàn thể Phật-Giáo-đồ trên khắp năm Châu.

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT.

Chánh Hội Trưởng Tông-Trị-Sự

THÍCH ĐÓN HẬU

Tin tức

TÔNG-TRỊ-SU. — Theo phiên nhóm ngày 22 - 1 - 50, toàn Ban T.T.S. đã yêu cầu Đạo hữu Tráng Đình nhận chức Cố Vấn T.T.S. để giúp cho Phật sự của Hội được thêm phần viên mãn. Đạo hữu Tráng Đình đã hoan hỷ nhận lời.

— Nhơn dịp ngày Vía Xuất Gia của Đức Bồn Sư (8-2) và là ngày Kỷ-niệm Đệ Thập Bát Chu Niên Hội Việt - Nam Phật - Học, tại các Tỉnh Hội và Khuôn Tịnh Độ đều có tổ chức tụng Kinh Dược Sư — Riêng Tỉnh Hội Thừa Thiên, T.T.S. có thỉnh 49 vị Tăng Già trong Sơn môn tụng một thờ Kinh Dược Sư tại chùa Từ Đàm để cầu nguyện Thế giới Hòa Bình, Quốc Thái dân an và cầu an cho toàn thể Phật, giáo đồ vào ngày 7-2 A L lúc 9 giờ mai.

— Ban Tổng Phát Hành Văn Hóa xin nhắc lại các Tỉnh Hội Chi Hội cùng các độc giả nào có thỉnh Bát Nhã Tâm Kinh, Lời Phật dạy, Đại Thừa Khởi Tín — Nghi Thức Tụng niệm v. v. yêu cầu thanh toán gấp cho, hoặc tin cho biết kết quả đã thu được bao nhiêu để tiện việc sổ sách.

— Kinh Thủ Lăng Nghiêm ấn loát gần xong và sắp phát hành. Các Tỉnh Hội Chi Hội và quý độc giả xa gần muốn thỉnh bao nhiêu, xin tin trước và gửi ngân phiếu để chúng tôi gửi vì số Kinh in có hạn.

QUẢNG - TRỊ — Đã cử hành rất trang nghiêm Lễ An Vị Tượng Đức Bồn Sư vào ngày 19-12 Kỷ Sửu tại chùa Hội Quán Tỉnh Hội. Các Thầy trong Sơn Môn cùng các Chi Hội, khuôn tịnh độ và G.Đ.P.H.P. đến dự lễ rất đông.

THỪA - THIÊN. — Đã nhận được số tiền 1000đ.00 về khoản phụ nạp T.T.S. trong số 6000đ.00 về niên khóa 1950.